

TRİ TÀN

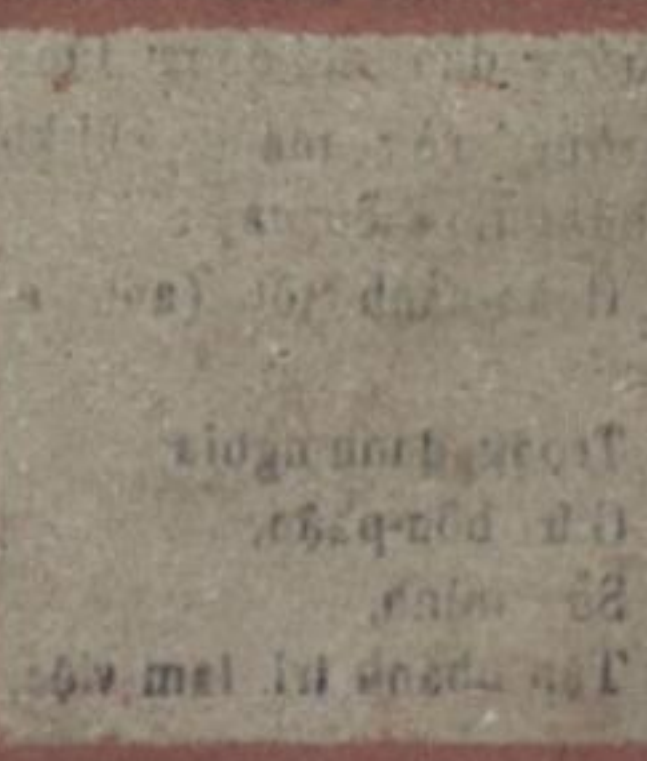
TÒA BÁO 95-97 CHANCEAULME HANOI

1 năm 35\$00 — 6 tháng 18\$00 — 3 tháng 9\$00

MỤC LỤC

- | | |
|---|-----------------------------------|
| * Hướng đạo với nhi đồng | Hoa-Bằng |
| * Kinh Dịch quốc-ngữ | Nguyễn-văn-Tổ |
| * Tày hưng | Mộng-Sơn — Ngân-Giang — Văn-Thạch |
| * Những ông Nghè triều Lê (CI) | Ứng-Hòa |
| * Những khách tiêu phông (II) | Hoàng-thiếu-Sơn |
| * Đại Nam dật sự (LI) | Nguyễn-văn-Tổ |
| * Hai tháng ở gò Óc-Eo (III) | Biệt-lam Trần-huy-Bá |
| * Bản góp về nguồn gốc tiếng Việt-nam (II) | Đào-trọng-Đủ |
| * Ba người thợ cần mẫn (VII) | Lê-Thanh |
| * Truyện cụ Chu An (III) | Trần-hàm-Tấn |
| * Tài liệu đề đình chính những bài văn cổ (LXXIX) | Ứng-Hòa |
| * Bản sách dẫn « Đại nam liệt truyện » (XXI) | Thọ-xuân Lê-văn-Phúc |
| * An trư (tiểu thuyết XX) | Nguyễn-huy-Tướng |

0 \$ 70



Nhi-dồng Việt-nam ở thế-hệ nay

HƯỚNG-ĐẠO VỚI NHI-ĐỒNG

HOA-BANG

Trước khi nói đến việc làm của Hướng đạo đối với nhi đồng và Hướng đạo có ảnh-hưởng trực-tiếp hoặc gián-tiếp đến nhi-dồng thế nào, tôi hãy xin mượn lời của ông bạn Hoàng Đạo-Thủy đã viết trong cuốn *Đội của tôi* (1) để giới-thiệu với các độc-giả thân mến về phần cách của Hướng đạo sinh đã :

« Yêu nước là lời hứa thứ nhất của Hướng-đạo sinh. Vì nước mà chết thì coi tình mạng mình nhẹ hơn lòng sống.

« Yêu xã-hội, yêu đời, là cái ý nguyện thứ nhất của Hướng-đạo sinh, bao giờ cũng là cái gương hoạt động của mười điều luật Hướng-đạo.

« Mặt Hướng-đạo tươi tỉnh, miệng cười như hoa nở. Mình vui, đem cái vui đến cho người đời, làm cho người cũng sống vui như mình.

« Đến đâu là đại-biểu ở đó của sự tin-cậy, thành-thực, thẳng thắn, hy-sinh, trong sạch... » (tr. 4).

Đồ-dệ của Baden Powell có ý hướng dẫn nhi-dồng tập d. trên đường rèn mạnh chí-khí bằng những tíi-điều này :

Hoàn-cảnh tốt (anh em, chỗ chơi),

Trọng danh nghĩa,
Giữ hòa-phá,
Sửa mình,
Tập nhanh trí làm việc,

Biết nhận trách-nhiệm,
Làm thủ công,
Ngắm cảnh trời đất (núi cao,
bể rộng).

Trò chơi (không ăn gian)
Bác ái (2)

Ngày xưa cho « hí » là « vô ích » ; nhưng đối với Hướng đạo ngày nay, « chơi đùa lại » là một cần-thiết để họ đùa-dắt nhi - đồng, miễn là bao giờ họ cũng phải nhớ rằng : « Chơi lại là một dịp rất tốt để thi hành các điều luật, vì chơi mà không thẳng-thắn thì không sao chơi hay được (.....) Hết sức tránh tất cả cái có hại cho người ta tự : tảo, tàn-nhân, vô - lễ ; cốt nhất trọng hiệp nghĩa... » (3).

Một buổi sớm chủ-nhật, trời đông êm đẹp, tôi đến vĩa cảnh chùa Láng (Chiêu thiên tự), được mục kích mấy tràng-sinh dẫn đạo « bày sỏi con » trong cuộc nhân-du :

Dường dề « thi gan » với hơi may, sương lạnh, một tràng đoàn ra lệnh cho hai mươi sáu trẻ em cỡi trần, rồi xếp thành hàng-ngũ, chạy ò ra ngoài đồng nội. Hết chạy nhảy đến ca bát. Họ hát bằng giọng vui-vẻ dưới bóng bình minh :

Ngày hôm nay,
Đông vui anh em,
Cùng sang sương
Mà sum vầy,
Mừng chúng ta

Gia đình êm ấm

Hà hà há !...

Chung vui nhau cùng !

Khi hát, theo luật, Hướng đạo thường chọn những bài thuật lại « cái mục-dích tốt-đẹp của nền Hướng-đạo ». Mà chọn bài hát là một điều-rất cần. Họ thường thích những bài « lời trang-nghiêm, đẹp đẽ, ý chí cao thượng, âm-điệu đồng-hoàng, hùng dũng hay vui-vẻ » (4). Vì họ cho rằng « lời đẹp thì bồi bổ cái tính ưa văn, thích đẹp. Âm điệu mạnh, làm cho người ta vui sống, khỏe mạnh khi ý cao-thượng nuôi dưỡng tinh thần » (5).

Khi chơi đùa, kéo giấy, bắn nỏ lửa thì phải hát mừng bên thắng một bài. Có khi họ chọn bài này :

Anh hùng xưa
Nhớ hồi là hồi niên thiếu,
Dấy binh lấy lau làm cờ,
Quên mình là mình giúp nước,
Hết sức giữ gìn lấy nước,
Giấn thân trước nơi nguy nan,
Ngàn thu lòng danh đất Bắc,
Sứ-quan khắp nơi kinh hồn,
Tiếng lòng nước non...

(1) Thăng tiến xuất bản, Văn-lâm in, Hà nội, 1939.

(2) Có mục « Chỉ khi bồi bổ thể nào » trong « *Đội của tôi* » tr. 17 18.

(3) *Đội của tôi*, tr. 32

4, 5) *Đội của tôi*, tr. 34.

Ngoài công việc đối với trẻ em trong đoàn như trên đã nói, Hương-đạo còn làm nhiều việc khác cho trẻ ngoài trại bạn:

Hằng năm, cứ đến ngày tám tháng tám là tết Trung-thu, mỗi đoàn Hương-đạo thường đi tìm những trẻ ở các xóm nghèo, hay ở các hội như Tổ-sinh, Bảo-anh, mà tổ chức một cuộc vui cho các trẻ em mừng hưởng.

Tết đến, Hương-đạo cũng làm như vậy.

Tráng đoàn Hương-đạo còn làm cái việc tổ chức ăn cần đến hàng trẻ ở trại. Trại-cụ nữa:

Những khi được phép, họ thường lên tận trại Trại-cụ mà thăm những trẻ trong trại ấy: họ đưa cho ít quà, họ kết làm như bạn hữu. Hồi mỗi tráng đoàn nhận thư từ với một trẻ bị giam. Làm vậy khiến chúng cảm biết rằng, trong khi trẻ người, non dạ, chẳng trót làm lỗi phạm tội; nhưng vẫn được xã-hội săn sóc đến. Tiếc rằng, vì tình-thế, việc này kết-quả ít lắm.

Có một tráng đoàn bỏ tiền riêng ra tập các trẻ Tổ-sinh làm một bữa tiệc, chiêu đãi các phi-khoản.

Lại có một tráng sinh tập các trẻ em lang-thuật để tìm-clo chúng công ăn việc làm. Nhưng kết quả cũng không được lâu, vì sự không đủ và khó kiếm việc làm làm.

Hội « Lo cho trẻ em đi ngủ mát », năm đầu, cũng do Hương-đạo đưa đầu. Trong thời-gian ấy họ đã tìm được nhiều cách đều khiến có ích cho các em ở các trại.

Trại Thanh-niên Tam-đảo 1944 do bạn ông Ngô Bích San coi quản, đã thử cho các em tập sống theo lối « đoàn-tề » (6).

Hương đạo, ngoài tờ *Thăng tiến* là tờ báo cơ quan của đoàn ra, còn xuất bản được loại sách *Hoa xuân*, có ích về phương diện giải trí cho tuổi trẻ. Cứ như chổ tôi biết thì loại sách *Hoa xuân* đã ra được những tập như:

- 1) Một đêm trong rừng thẳm,
- 2) Cậu bé làng Ung
- 3) Sóng gió
- 4) Hẹp sữa dờ
- 5) Gan tráng sĩ
- 6) Có bé quay tơ
- 7) Mồ côi
- 8) Truyện con thỏ
- 9) Mỗi tử thù
- 10) Vui chơi ca múa, I, II, III
- 11) Thầy cai Tờ-lăng-dit
- 12) Lam-sơn họp mặt
- 13) Ba con chim
- 14) Cái sóc (xác) biến hình
- 15) Ali-Baba
- 16) Lòng trẻ
- 17) Vua Bà
- 18) Trò quỷ thuật
- 19) Ông bụt chùa vàng
- 20) Mười nàng tiên
- 21) Hàn thục
- 22) Cừ không cười
- 23) Đứa bé bỏ rơi
- 24) Thạch sanh
- 25) Cái tranh
- 26) Cái đèn thần
- 27) Có ngày mai
- 28) Có bé gan dạ
- 29) Sợ dừa
- 30) Baden Powell
- 31) Yêu trẻ
- 32) Con mèo đen

- 33) Con ong, cái kiến
- 34) Dọa thầy bói
- 35) Một đêm rừng rợn
- 36) Những sự bí mật của một tờ giấy
- 37) Nàng Bân,
- 38) Hai người bạn, I, II,
- 39) Tấm Cám
- 40) Tay không vào trại giặc
- 41) Chiếc bánh chưng
- 42) Nguyễn Mai
- 43) Con yêu râu xanh
- 44) Bất sống
- 45) Phần thưởng danh dự
- 46) Tình mẫu tử
- 47) Từ Nam ra Bắc, v. v.

Xin trích một mẫu văn trong cuốn *Từ Nam ra Bắc* (7):

«... Tựa (người trong truyện), lòng man mác ôn lại những điều mắt thấy tai nghe, lại càng thấy hổng hổng những ý tưởng, cố gắng của một học sinh biết yêu nước... » (tr. 24)

Như vậy, Hương-đạo kẻ cũng là một « ân nhân » của nhi-đồng xứ ta.

Khi nói đến lịch-sử nhi-đồng-Lộc Việt-nam, tất người ta phải thừa nhận rằng Hương-đạo ở đây thế nào cũng có ảnh-hưởng đến nhi-đồng chẳng trực tiếp thì gián-tiếp, chẳng to-lớn thì vừa vừa...

HOA-BẮNG

6) Đoàn nói về việc làm của Hương-đạo này là theo tài-liệu trong thư ông bạn Hoàng Đạo-Thủy gửi cho. Xin thành-thật cảm tạ Hoàng-đạo.

(7) Trại Đức Quý, sách *Hoa xuân* số 50, in tại nhà in Quang-hoa, Hà-nội.

Kinh Dịch Quốc-ngữ

Ung-học NGUYỄN-VAN-TÔ

Kinh Dịch là sách bói của Tàu đời xưa, và là sách triết-lý rất khó nghĩa. Có ba kinh Dịch, là: *Liên-sơn*, *Quy-táng* và *Chu-Dịch*. *Liên-sơn* là Dịch của nhà Hạ (2205-1766 trước T. C.), lấy quẻ « Cấn » làm đầu, nghĩa là hình-tượng khi mây ra khỏi núi (sơn) liền-nổi (liên) không dứt. *Quy-táng* là Dịch của nhà Ân (1766-1122 tr. T. C.), lấy quẻ « Khôn » làm đầu, nghĩa là hình-tượng muốn vật đều chứa (táng) về (quy) dưới đất. Nhưng hai thứ kinh Dịch ấy hiện nay đã mất, chỉ còn *Chu-Dịch*. Chữ là tên nhà Chu (1122-255 tr. T. C.).

Dịch là thay - đổi, biến - đổi. Nguyên đời Phục-hy (4477-4352 trước T. C.), tương truyền có con long - mã (thần ngựa, vẩy rồng) hiện ra ở sông Hà trên lưng có nét chấm từ một đến mười (thường gọi là Hà-đồ). Vua Phục-hy nhân thấy Hà-đồ, ngựa lên xem giới, cưỡi xuống xem đất, giữa rết muốn vật, rồi vạch ra « bát-quái » (tám quẻ), chồng lên thành sáu mươi tư quẻ, ba trăm tám mươi tư « hào » từ bấy giờ mới sinh ra phép bói, tức là kinh Dịch của Phục-hy. Những vạch của Phục-hy là « tiên-thiên bát-quái » (tám quẻ nói từ trước khi có giới). Đến vua Văn-vương (1185-1135 tr. T. C.) mới vạch ra « hậu-thiên bát-quái » (tám quẻ nói về sau khi đã có giới). Văn - vương và

Chu-công viết ra chữ ở dưới quẻ, gọi là *hệ-từ*. Đến đức Khổng-tử (551-479 trước T. C.) giải nghĩa những lời của Văn-vương và Chu-công, gọi là *Hệ-từ truyện*.

Đời Tần (246-207 tr. T. C.) đốt sách, dạy sách bói như *Kinh Dịch* thì không bị đốt. Có lẽ vì thế mà nội các kinh đời xưa truyền lại, chỉ có *Kinh Dịch* được chu toàn; nhân đây cho chữ *Chu Dịch* có hai nghĩa: một nghĩa do tên nhà Chu, như trên vừa nói, vì Văn-vương, Chu-công Khổng-tử đều là người đời Chu. Còn một nghĩa nữa, là đạo-lý rộng khắp, không có một điều gì là không đủ, tức là « chu toàn ».

Nói rút lại, *Kinh Dịch* của Phục-hy thì chỉ có vạch, chưa có chữ, *Kinh Dịch* từ đời Văn-vương trở xuống mới có chữ tức là *Hệ-từ* và *Hệ-từ truyện*.

Kinh Dịch là một quyển sách cổ nhất của nước Tàu, và lại nghĩa lý sâu-xa huyền-bí hơn cả, càng suy-tính ra, càng thấy rộng. Chính đức Khổng-tử là người đã giải nghĩa kinh Dịch phê-bình kinh Dịch (tán *Chu Dịch*) đọc kinh Dịch đến nỗi cái lỗ râu bằng da bị bà lần đứt. *Sử-ký Khổng-tử thế-gia* chép rằng: « Đọc Dịch, vì biên tam tuyệt » nghĩa là « Đọc kinh Dịch, dây râu bằng da ba lần đứt » (Đời xưa chưa có giấy viết chữ vào thẻ tre, lấy dây da mà xâu lại, gọi là vi biên). Thế là

đức Khổng-tử đọc kinh Dịch đã nhiều lần lắm, mà sách *Luận-ngữ* (Thiên Thuật-nhi) còn chép một câu của ngài rằng: « Giả ngã sở niên, tối dĩ tọc Dịch », nghĩa là « Thêm cho ta vài năm, để học trọn nghĩa *Kinh Dịch* ». Đức Khổng mà còn nói như thế, thì đạo-lý trong *Kinh Dịch* thật là vô cùng.

Sau đời Tần có bản chú (chưa nghĩa) của Trình-Huyền người đời Đông-Hán (25 - 219 sau T. C.), nhưng bản ấy về sau mất, đời Ngụy (220-264) có bản chú của Vương-Bật, đời Đường (618-905) có bản sơ (giảng thông nghĩa gọi là sơ) của Khổng-Đỉnh-Đạt, tức là *Dịch-kinh chú-sơ*, hiện nay còn lưu hành. Đời Đường lại có Lý Đỉnh-Tộ làm quyển *tập-giải* (hợp tất cả các nghĩa mà giảng). Đời Tống (960-1276) có *Dịch truyện* của Trình-Tử, và có *Bản nghĩa* của Chu-Hy đều là những bản hiện nay đang học. Ngoài ra lại còn nhiều bản, của các bậc tiên-hiền tiên-nho, như *Dịch* của Lưu-Mục đời Tống, Ngô-Trưng đời Nguyên (1277-1367), Hoàng Tông-Hy đời Thanh (1644-1911), còn nhiều bộ khác nữa, không thể kể xiết. Tuy đã có nhiều người giảng giải, mà nghĩa-lý vẫn thấy huyền-thâm.

Người Tây giải nghĩa *Kinh Dịch* cũng nhiều, như ông P.-L.-F

Philastre (ta gọi là Hoắc-đạo-sinh) (*Le Yi : King ou Livre des changements de la dynastie des Tsheou* in năm 1885-1893), ông Ch. de Harlez (*Le Yi-king, texte primitif rétabli, traduit et commenté*, 1883), ông James Legge (*The Yi-king or Book of Changes*, 1882), ông Mears (*Creative Energy, being an Introduction to the study of the Yih king or Book of Changes, with translations from the original text*, 1931), ông Z. D. Sung (*The Text of Yi king, chinoise original with english translation*, 1935), v. v.

Về sách quốc-ngữ thì chưa có quyền nào. Nay ông Ngô-tất-tố dịch ra đầu tiên. Từ tháng sáu tây đến nay nhà Mai-linh đã in được hai quyển, cộng 720 trang, khổ giấy 12 x 19.

Ai cũng tưởng sẽ giúp ích cho những người thiếp-liếp chữ nho, muốn nghiên-cứu về lối văn cổ. Nhưng xét ngay trang đầu là *Bản nghĩa của Chu-Hy*, có câu: « Kỳ từ tắc Văn-vương Chu-công sở hệ, cổ hệ chi Chu », mà ông Ngô-tất-tố dịch là « Còn lời của nó tại do Văn-vương Chu-công đeo vào, cho nên mới đặt chữ, Chu ở trên », thì có lẽ không được đúng lắm, vì hai chữ « hệ-từ »

Tùy hứng

Gió rét

Độc-địa thế này ! Hỡi rét ơi !
 Gió đưa lạnh buốt bốn phương giới !
 Chấn không gõ dịp lang-rung về,
 Miệng chẳng ngậm thơ lập-cập mới.
 Nghĩ lời nhảm-linh quây chiều ngủ,
 Bàn về thế sự khoác chăn ngồi.
 Đứng đầu ngọn gió xem cây cứng,
 Kia ! Thái-bình-dương nước đã sôi !

MỘNG-SƠN



Trăng nước nghìn xưa...

Ngày-xưa đoạt đảo bên Chương-dương,
 Hoa nở bảy giờ đất Hương-dương.
 Khói lửa ngút-ngàn sông Sich-bích,
 Phấn sơn ngọc-ngác điện Hàm-dương.
 Bàng-khuáng rẽ Việt mênh-cung nó,
 Hồ-hững dàu Hời nhớ liễu dương.
 Mây nước năm năm trăng vẫn đẹp,
 Hàng thần lơ-láo gủ Đò Dương.

NGÂN-GIANG



Một đêm cuối thu

Đêm nghe nhận giục đã như quen,
 Sương tỏa lờ mờ khắp bốn bên.
 Hiên trước, mảnh thưa giăng lọt kẽ.
 Thềm sau, cửa khép gió lay then.
 Đóm rờn thấp thoáng tầng cao thấp,
 Để khốc nỉ-non giọng xuống lên
 Gặp lúc thu tàn, lòng bịn-đi !
 Hồn thơ-lai-láng biết bao phen !

VÂN-THẠCH

là *chữ* tiếng của Kinh Dịch, nếu muốn diễn ra tiếng ta cũng phải chừa hai chữ « hệ từ » ở bên.

Có câu dịch ra tiếng ta được thì ông Ngô-tất-tố lại đề y nguyên cả chữ nho, mà chừa đầu lại sai như chữ « giản mậu trọng đại » : « giản » nghĩa là « thể tre », đời xưa chưa có giấy viết vào thể tre ; « mậu » nghĩa là « dài » tức là thanh tre ấy dài ; « trọng » là « nặng » ; « đại » là « lớn », đủ nhiên thì phải nặng mà to. Cứ như thế, thì ba chữ dưới là hình dáng của chữ tròn, thể mà hai chữ « giản mậu » ông Ngô-tất-tố gạch liền nhau, lại phải một cái, đến hai chữ « trọng đại » cũng gạch liền nhau (1). Thế là chỗ đang dấn ra tiếng nôm thì lại đề cả chữ, chỗ đáng đề nguyên chữ thì lại dấn ra nôm. Lại còn nhiều câu dịch tối nghĩa hơn những bản dịch chữ tây. Đây là chỉ nói có một trang đầu, xét kỹ ra thì trang nào cũng phải chừa : nếu chừa tất cả, có lẽ phải viết nhiều hơn bản dịch !

Ông-hoè NG-VĂN-TỐ

(1) Bản dịch chữ tây cũng giăng câu « giản mậu trọng đại » là « Kinh Dịch viết vào thể tre thì nhều, to và nặng : «... le volume des lames de bambou, sur lesquelles il était écrit, était gros et lourd » (Philastre, « Le Yi : king, tr. 12).

BIA VĂN MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHE TRIỀU LÊ

Số 104

Ưng-hoè NGUYỄN-VAN-TO

3. — Phạm - chính - Nghị, người xã Hoa-kiều, huyện Lang-tải, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Năm hai mươi chín tuổi đỗ nhị-giáp tiến sĩ khoa giáp-tuất 1514. Theo Mạc, làm quan đến Lê - bộ thượng-thư, tước Văn - trường bá. Là con Phạm-miền-Lân (đỗ tam-giáp khoa 1478). *Đặng khoa bị khảo* (q. Kinh-bắc, tờ 124) chép Phạm-chính-Nghị đỗ năm hai mươi bốn tuổi. (*Đặng khoa lục*, q. 2, tờ 12 b).

4. — Đoàn - quảng - Phu, (sách chép là Đoàn - đức - Phu), người xã Hoa - dương, huyện Đường-an, phủ Thượng-hồng, trấn Hải-dương, đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa 1514. Làm quan đến đồng-các đại-học sĩ (*Đặng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 15 b).

5. — Nguyễn-nguyên-Tân (chép theo bia, còn sách chép là Nguyễn - quang - Tân), người xã Biền-bản, huyện Thanh-lan, phủ Thiên-hung, trấn Sơn-nam. Đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa 1514. Làm quan đến đồng - các. Là con Nguyễn-công-Định, đỗ tam-giáp khoa 1463 (*Đặng khoa lục*, q. 2, tờ 12 b).

6. — Phạm-thọ Chắt, người xã Cao-la, huyện Từ-kỳ, phủ Hạ-hồng, trấn Hải-dương, đỗ nhị-giáp khoa 1514. Lúc ấy Mạc-Đảng-Dung tiếm ngôi, biếp vua Lê Chiêu-tông vào Thanh-hoa. Thọ-Chắt làm quan với Mạc, đến chức thượng-thư (*Đặng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 44 b).

7. — Nguyễn - đơn - Cung, người xã Lôi-dương, huyện Từ-kỳ, phủ Hạ-hồng, trấn Hải-dương, đỗ nhị-giáp khoa 1514. Làm quan đến đô-ngự-sử, tước bá (*Đặng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 44 b).

8. — Nguyễn-độc-Tín, người xã Thạch-lực, huyện Yên-lão, phủ Kinh-môn, trấn Hải-dương. Đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa 1514, làm quan với nhà Mạc, đến chức thượng-thư, phong tước hầu. Là con Nguyễn-Kim, đỗ tam-giáp khoa 1502. Là em Nguyễn-chuyên-Mỹ cùng đỗ một khoa, cũng làm quan với Mạc (*Đặng khoa lục*, q. 2, tờ 13 a).

9. — Ngô-tùng-Cử, người xã Hà-vị, huyện Đông-ngân, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Đỗ nhị-giáp khoa 1514. Làm quan đến Lễ-bộ tả-thị-lang (*Đặng khoa lục*, q. 2, tờ 13 a).

10. — Nguyễn-trọng-Hiệu, người xã Đại-dồng, huyện Siêu-loại, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Năm hai mươi chín tuổi đỗ nhị-giáp khoa 1514. Làm quan đến thượng-thư, tước bá. Thấy nhà Lê suy, làm quan với Mạc, đến Lễ-bộ thượng-thư, kiêm làm - làm - viện thị-độc, quốc-tử-giám tế-tửu, văn-ban hầu, trí sĩ, thọ 74 tuổi (*Đặng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 104 b).

11. — Nguyễn - văn - Kiệt, người huyện Từ-kỳ, phủ Hạ-hồng, trấn Hải-dương. Đỗ nhị-giáp khoa

1514 (*Đặng khoa lục*, q. 2, tờ 13 a).

12. — Lại - gia - Phúc, (bia khác là người huyện Phúc-yên, phủ Yên-bình, còn sách thì chép là người xã Mỹ-xá, huyện Đông-an, phủ Khoái-châu, trấn Sơn-nam). Đỗ nhị-giáp khoa 1514. Làm quan đến thị-lang (*Đặng khoa lục*, q. 2, tờ 13 a).

13. — Nguyễn-đoãn-Khâm, (chép theo bia, còn *Đặng khoa lục* in là Khâm - Khâm), người xã Địa-linh, huyện Phụ-dực, phủ Thái-bình, (*Đặng khoa lục* chép thuộc phủ Nghĩa-hung), trấn Sơn-nam. Đỗ nhị-giáp khoa 1514. Làm quan đến Lại-bộ tả-thị-lang. (*Đặng khoa bị khảo* q. Sơn-nam, tờ 104 *Đặng khoa lục*, q. 2, tờ 13 a).

14. — Chử-sư-Đồng, người xã Hội-phụ, huyện Đông-ngân, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Đỗ nhị-giáp khoa 1514. Làm quan đến thượng-thư, trí sĩ. Sinh ra Chử-Sư-Văn, đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa 1511. Là cháu Chử Thiên-Khai, đỗ tam-giáp khoa 1502, là tăng-tôn Chử-Phong, đỗ tam-giáp khoa 1472. (*Đặng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 35b).

15. — Hà-cảnh-Đạo, người xã Đào-tú, huyện Siêu-loại, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Năm hai mươi bốn tuổi đỗ nhị-giáp khoa 1514. Làm quan nhà Mạc đến chức Lại-bộ thượng-thư, kiêm Đô-ngự-sử, tước Sùng-lễ bá (*Đặng-khoa bị-khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 104 b). *Đặng-khoa-lục* (q. 2, tờ 13 b) chép là tước hầu.

16. — Đỗ-Cảnh, người xã Yên-lai, huyện Phụ-dực, phủ Thái-bình, (Nghĩa-hung) trấn Sơn-nam. Đỗ nhị-giáp khoa 1514. Làm quan đến thị-lang. Là con Đỗ-Loại, đỗ

tam-giáp khoa 1496, là cháu Đỗ Toàn, đỗ nhị-giáp khoa 1475 (Đặng-khoa bị khảo, q. Sơn-nam, tờ 104 b).

17. — Nguyễn-chính-Tuân, (chép theo bia, còn Đặng khoa lục chép là Sĩ-Tuân), người xã Xuân-lũng, huyện Sơn-vi, phủ Lâm-thao trấn Sơn-tây. Đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa 1514. Làm quan đến chức đoán-sự (Đặng-khoa lục, q. 2, tờ 13 b). Đặng-khoa-bị khảo (q. Sơn-tây, tờ 28 b) chép đỗ năm ba mươi hai tuổi, làm quan đến thượng-thư, tước Ngọc-quận-công. Lúc bấy giờ họ Mạc cướp ngôi, Nguyễn-chính-Tuân giữ tiết, không chịu khuất, được khen là tiết-nghĩa.

18. — Nguyễn-Đạm, người xã Đoàn-lâm, huyện Gia-phúc, phủ Hạ-hồng, trấn Hải-dương. Đỗ nhị-giáp khoa 1514, làm quan đến thừa-chính-sứ. Là con Nguyễn-Phục, đỗ nhị-giáp khoa 1453 (Đặng khoa lục, q. 2, tờ 13 b). Đặng khoa bị khảo (q. Hải-dương, tờ 38 a) chép: người xã Đoàn-lũng, huyện Gia-lộc.

19. — Lê-thị-Bật, người xã Lê-xá, huyện Nghi-dương, phủ Kinh-môn, trấn Hải-dương. Đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa 1514. Làm quan với Mạc, đến chức thượng-thư,

tước Văn-xuân hầu (Đặng-khoa bị khảo, q. Hải-dương, tờ 86 b).

20. — Trịnh-Bá, người xã Cầ-đám, huyện Phú-lương, phủ Phú-bình, tỉnh Thái-nguyên. Đỗ nhị-giáp khoa 1514. Làm quan đến Binh-bộ hữu-thị-lang (Đặng-khoa bị khảo, q. Hải-dương và Thái-nguyên, tờ 99 a).

Khoa giáp-tuất (1514) lấy 20 ông đỗ đệ - tam - giáp đồng tiến-sĩ xuất-bán, lần lượt như sau này:

1. — Nguyễn-bình-Di, người xã Ô-mỗ, huyện Từ-kỳ, phủ Hạ-hồng, trấn Hải-dương. Đỗ đầu đệ-tam-giáp đồng tiến-sĩ khoa 1514. Làm quan đến Binh-bộ hữu-thị-lang (Đặng khoa lục, q. 2, tờ 13 b).

2. — Nguyễn - doãn - Tuy, (sách chép là Khắc-Tuy) người xã Khánh-hiệp, huyện Đan-phượng, phủ Quốc-oai, trấn Sơn-tây. Năm ba mươi một tuổi, đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa 1514. Đến năm nhâm-ngọ (1522) là năm thứ bảy hiệu Quang-thiệu đời Lê chiêu-tông, Nguyễn-doãn Tuy làm quan đến Lại-khoa đồ-cấp-sự-trung. Lúc ấy Lê Chiêu-tông bị Mạc Đăng-Dung biếp chỗ, phải vào ở Thanh-hoa. Chiêu-tông có lệnh triệu ông, ông không chịu đến. Sau vua Chiêu-tông lại về

kinh-lỗ Thăng-long, ông vẫn giữ tiết, vua lên ngôi chết, thọ 63 tuổi (Đặng-khoa bị khảo, q. Sơn-tây, tờ 31 a-b).

3. — Đỗ-văn-Khánh, người xã Mỹ-tri, huyện Từ-liêm, phủ Quốc-oai, trấn Sơn-tây. Đỗ tam-giáp khoa 1514. Làm quan đến thị-lang (Đặng khoa lục, q. 2, tờ 14 a).

4. — Nguyễn-chuyên-Mỹ, người xã Thạch-lư, huyện Yên-lão, phủ Kiến-môn, trấn Hải-dương. Đỗ tam-giáp khoa 1514. Theo Mạc làm quan đến thượng-thư, tước hầu. Là con Nguyễn-Kim, anh Nguyễn-dỗ-Tin: xem chuyện Nguyễn-dỗ-Tin ở trên (Đặng khoa lục, q. 2, tờ 14 a).

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN VĂN-TỐ

Hộp thư

Ô. Vũ-Hoành Quí Nhơn: hạn báo hết từ 31-6-44. Xin gửi ngân phiếu về

Ô. Nguyễn-Trải Tam-nam: hạn báo hết từ 31-11-44. Xin gửi ngân phiếu theo giá mới 160 đã gửi — 163 hết.

Ô. Trần văn Giảng Vĩnh: đã nhận được ngân phiếu 6\$ và gửi báo kê từ 1-12-44 và tháng 9\$, ông còn thiếu 3\$ xin gửi cho cảm ơn

ĐA CỐ BẢN

VIỆT NAM VĂN-HỌC SỬ YẾU

DƯƠNG QUẢNG HAM Giáo sư trường Trung Học Bảo Hộ Hà-nội — 500 trang khổ lớn 15×22

DANH TỪ Y HỌC (TẬP A VÀ B)

PHẠM KHÁC QUẢNG Y-khoa Bác-sĩ — LÊ KHÁC THIỀN Ngoại-tri Y-sinh

ĐẠI NAM HÌNH PHÁP

LÊ TRUNG CHÁNH Luật-khoa Tiến-sĩ Thâm Phán tại tòa Thượng-thẩm Huế, 351 trang khổ 13×20

Nhà in XUÂN THU, 214, Hàng Bông — Hanoi

Vua chúa Ai-An (1)

NHỮNG KHÁCH TIÊU - PHÒNG

Mặt trời không hai, mặt trăng cũng phải có một ; — Lý-Thái-Tổ lập chín cung Hoàng-hậu bị đời sau chê cười — Chín bậc cung-tần của triều Nguyễn — « Gái ến ba nghìn » : từ trăm cung-nữ của vua Tự - đức đến ba phi tần của vua Khải - định — Đức Hoằng - Tôn vi Hoàng - cung với cửa Phật.

HOÀNG-TIỂU-SO

Kinh Lễ có câu rằng : « Thiên tử hữu hậu, hữu phu-nhân, hữu thế-phụ, hữu tãn, hữu thế, hữu thiếp ».

Trong chốn phòng tiên xưa nay vẫn ba nghìn cái ến. Hoàng-hậu hay chính-phi trên ngai quốc-mẫu là bóng Hằng-nga ngự-trị chốn thanh-thiên ; cung-nhi, cung-tần, cung-nhân, cung-nữ là vô số tiểu-tinh san sát châu-trần chung-quanh ngai báu.

Vì cũng như kẻ thường dân, bậc đế-vương chỉ được quyền có một phu-nhân chính-tức, mà trăm họ cũng có quyền yêu-cầu chỉ phải tôn thờ một đấng quốc-mẫu duy-nhất. Trong nước chỉ có thể có một mặt trời, một mặt trăng.

Cho nên Lý-Thái-Tổ (1010-1023) tự ý thiết-lập chín cung Hoàng-hậu đã bị sử-thần hậu-thế phê-bình nghiêm-khắc. (2)

Vua Gia-Long thăng-bà di-chức nghiêm-cấm bốn điều : « Bất lập Hoàng hậu, bất phong vương, bất tuyền Trạng-nguyên, bất lập Tể-tướng ».

Theo điển-lễ Nguyễn-triều, vị nội-tướng chính-thức của đấng quân-vương chỉ được mang huý-hiệu Hoàng-quý-phi hay gọi thường là Quý phi. Chính phi, San khi đức phu - quân thăng-

hà, con mình lên ngôi tôn, chính-phi mới được suy-tôn lên Hoàng-thái-hậu. Bỏ mẹ một người còn gái được chọn làm chính-phi trực phong tước Quốc-công và nhất phẩm phu-nhân.

Ngoài chính-phi số cung-phi của các vua chúa Việt-nam không bao giờ định rõ là phải mấy người. Đức Minh-Mạng có định thứ-bậc của họ như sau này theo chín phẩm cũng như trong thứ-bậc quan-lại văn võ : 1. nhất giai phi, 2. nhị giai phi, 3. tam giai tần, 4. tứ giai tần, 5. ngũ giai tiếp-đư, 6. lục giai tiếp-đư, 7. thất giai quý-nhân, 8. bát giai mỹ-nhân, 9. cửu giai tài-nhân.

Ngoài chín bậc này lại còn những cung-nữ không có chức tước gì. Ở Huế, trong Đại-nội và các giới ngoài đều quý-phái người ta gọi các cung-nữ không chức tước ấy là các chị.

Con gái các quan tiến-cung phần nhiều đều được phong những chức-phi, tần... Họ vào Đại-nội cũng theo những lễ thức trang-nghiêm, tưng-tự như lễ vu-quy trong việc hôn-nhân của bách-tiêu.

Các cung-nữ tại phần nhiều con gái thường-dân cổ nhàn-sắc được tiên-cung đề-cầu-hậu đức Hoàng-thái-hậu, hay các phi, tần. Nhiều khi là bà con, họ hàng với

những bậc này, nhân những lúc đức vua cáo-dời đến chầu hầu thì họ được tiến lên. Người nào mà hoàng-đế đề ý thì suốt đời ở lại trong hoàng cung làm khách tiêu-phòng, kẻ nào duyên ôi, phận hẩm không được ánh mặt trời chiếu đến thì sau một thời-gian lại được trở về quê-quán. Những cung-nữ may-mắn thụ-tai với đấng chí-tôn thì được ân-phong những chức phi, tần.

Ngày xưa có một cuộc tuyển-lựa cung-nhân náo-nhiệt. Dưới triều Lý, vua Nhân-tôn (1072-1128) xuống chỉ sắc cho bách-quan có con gái đến tuổi cập-kê phải định mọi việc hôn-phối để chờ đức vua tuyển-lựa cung-nữ, chỉ những kẻ không được tiến-cung mới được lấy chồng. Sử-thần Lê-văn-Hưu trong Đại-Việt sử-ký chép rằng : « Lý Nhân-tôn làm như thế đã tỏ ra chỉ nghĩ đến sự sung sướng của riêng mình, không xứng làm phu mẫu muôn dân.

Người ta vẫn truyền khẩu nhau mà tin rằng số cung-nữ ngày xưa rất nhiều « Gái ến ba nghìn ». Nhưng số ba nghìn là một con số rất ngoa, đối với bản Tàu ngày xưa họa-chàng có đúng, chứ bản ta thì có lẽ chưa bao giờ có được con số ấy. Nước ta xưa nay dân-

số ít ỏi, nhất là những nhà gia-tư khá giả không được bao nhiêu, phần đông dân-chúng đều nông-dân quê kệch, lấy dầu đủ số ba nghìn mỹ nữ, danh-hoa mà tiến vào nơi nhà vàng, gác ngọc. Vả chăng cung-diện nước ta nhỏ hẹp, dầu đủ tiêu-phòng đề cửra ba nghìn cung-nữ?

Dưới triều Tự-đức (1848-1883) cung-nữ hơn trăm ngàn. Khi vua thăng hà còn lại 103 người (3). Ứng trực chung-quanh đức vua tất cả bốn mươi ba người: mười ba người đề hầu ngự-thiện, ngự-trà, trông y-phục, chải tóc, gội đầu, hầu quạt, châm đóm, pha trà, rót rượu. Lúc vua làm việc, xem công-việc thì họ mài mực, và châu hầu hai bên, có số, tấu của đình thần dâng lên ngự-lâm thì họ hộ đệ trình, không ai được đến cạnh Thiên-tử. Chung-quanh điện đức vua ngự, ba mươi cung-nữ khác giữ việc canh-phong. (3)

Dưới các triều Đồng-Khánh, Thành-thái số cung-nữ cũng còn đông. Đức Thành-Thái lại hay dùng đến các cung-nữ hơn các nội-giám, thị-vệ. Nhưng dưới triều Khải-định thì các cung-nữ rất được ít dịp trông thấy long-nhan, chỉ ở châu-hậu hai bậc Hoàng Thái-hậu. Đức Hoảng-tôn chỉ có ba bà phi, tần, trong số ấy có đức Hoảng-thái-hậu hiện thời. Hai bà kia, một bà là phi, một bà là tần đều được trở về gia-dình và hiện sống ở Huế. Chung-quanh đức Hoảng-tôn, chỉ có những nội-giám và thị-vệ châu-hậu, không một cung-nữ nào được đến gần ngài.

Theo lệ xưa thì cứ cuối một đời vua, tất cả cung-phi của đức vua vừa băng đều phải bỏ chốn tiêu-phòng đến cư-lang tại lăng-tẩm của phụ-quân vừa tạ thế. Mỗi một thiếu-nữ được tiến-cung trừ những kẻ sau một thời gian bị thải hồi, là một người coi phải đoạn-tuyệt với gia-dình, không trở về nhà với bà con, họ hàng. (Xem tiếp trang 13)

(1) Dịch một bài diễn văn đọc tại giảng đường trường Trung học Albert Sarraut ở Hanoi ngày 31-3-1943. Xem từ Tri Tân số 168.

(2) Đại Nam quốc sử diễn ca.

(3) Gosselin L'Empire d'Annam

Xuân TRI-TÂN (ẤT-DẬU 1945)

Thời tiết tuần hoàn, mỗi năm có một lần xuân.

Theo lẽ tuần hoàn của vũ trụ, Tri-Tân mỗi năm cũng ra một số xuân để hiến các bạn đọc thâu-miền một mùa quả Tết.

Xuân ất-dậu (1945) này, các bạn sẽ thấy những cây bài đơm đãi khắp ba kỳ trên tờ Xuân Tri-Tân với những bài rất công-phu về khảo-cứu, nghệ thuật, và văn chương.

Xin tạm kể mấy mục:

Thơ: Các bà Văn Đài, Ngân Giang, Cẩm-Lai, Mộng-Son, Hương-Bình, Tịnh-Dế, cô Mộng-Tuyết, v. v.

Sử học: Ứng-Hoà Nguyễn-văn-Tổ, Hoa-Bằng, Trúc-Kuê, Biệt-Lam, Khuông-Việt, Mậu-Khánh, Thọ-Xuân, v. v.

Văn học: Tiên-Dàm, Nhật-Nham, Cách-Chỉ, Khái-sinh, Kiều Thanh Q. iế, Tam G a v. v.

KỊCH NGÂN
CHUYỆN NGÂN
PHÓNG-SỰ NGÂN
CHUYỆN NƯỚC NGOÀI
của

Giản-Chi

Lê Văn-Ngôn,

Phạm Mạnh Phan

Nguyễn-Huy-Tướng

Phan - Văn - Hùng

MỸ - THUẬT

Hai họa-sĩ Trịnh-Vân Nguyễn Văn-Ty

Giữa lúc thời buổi khó khăn này, Tri-Tân, rất mong làm hài lòng các bạn đọc trong số Xuân ất-dậu (1945).

Tri-Tân rất hoan nghênh những giai-tác ở ngoài gửi đến để giúp cho số Xuân Tri-Tân càng thêm xuân sắc.

TRI-TÂN

ĐẠI NAM ĐẤT SỬ

Số 52

Urg-hoe NGUYỄN-VAN-TO

XXXII. — Lê Long - Đinh (bất nổi)

Lê Long Đinh là người hiếu sát, dễ làm chết những loài hy - sinh, như chóc tiết bò, tiết lợn, tiết gà, tiết vịt, thường tay gíết trước, rồi mới giao cho nhà bếp. Bất tội người nào, thường dùng những hình thảm khốc, như sai lấy rơm quấn chặt vào người, rồi châm lửa đốt; người bị lửa cháy gần chết, sai sai tên phường chèo người Tàu (lồng ru-Nhân) tên là Liêu Thủ-Tâm cầm dao cùn cắt đứt những mối rơm để không được chết ngay, kẻ có tội kêu gào đau đớn thì Thủ-Tâm nói đùa rằng: «Mày không quen chịu chết». Long-Đinh lấy làm thích cười to lên.

Những khi Long - Đinh đi đánh dẹp, bắt sống được quân giặc, đem tất cả ra bờ sông. Khi nước thủy-trào xuống, sai người làm thủy-lao, rồi khua tất cả nhốt ở trong, đợi khi nước thủy - trào lên, tử-binh bị sặc mà chết. Hoặc có khi bắt leo lên ngọn cây, rồi sai dẫn cây, bẻ cây đổ thì người leo xuống chết. Long-Đinh trông thấy thích ý vui cười.

Khi đi đánh An-dộng (vào năm 1008), bắt sống được quân man, sai người đánh, quân man đau quá, kêu gào, thường phạm húy Đại-hành, Long-Đinh lấy làm thích lắm. *Việt-sử tổng-vịnh* (q. 1, tờ 22b) chép rằng: Long-Đinh thường oán bố, không lập mình làm vua, nên quân man phạm tên húy bố

(Đại-Hành), thì Long-Đinh thích lắm. Lại khi đi đánh Hoan-châu, bắt sống được quân giặc, đem về nhốt ở trong cái quây tròn rồi đốt. Nghe Ninh - giang có chỗ nhiều rắn, bắt trói người ở cạnh thùy, sai bơi đi bơi lại ở giữa dòng sông, để cho rắn cắn chết. Lại róc púa ở đầu lạng - thổng là Quách-Ngang (*Việt-sử lược* q. 1, tờ 21b, chép là Quách-Mão, chữ Mão và chữ Ngang hơi giống nhau, dễ lẫn), giá cách là lữ tay, dao vào đầu chảy máu, Long-Đinh lấy làm thích ý. Hoặc nữa đem giết mèo làm yến cho các tước vương ăn, ăn xong Long - Đinh gờ đầu mèo cho xem, các tước vương đều sợ, Long - Đinh bằng lòng lắm. (*Việt-sử lược*, q. 1, tờ 21b, chép là đều nôn ọe).

Mỗi khi tiếp đãi các quan vào triều, thường sai tên phường chèo đứng lâu ở tả hữu để pha trò, kẻ vua có nói cả gì, thì tên ấy ỉa-ỉa cái miệng vừa cười vừa nói để làm rối những lời tâu của các quan trấp chính. Lại lấy giống thủy-cung làm gối, bảo những bọn pha-trò ấy ra tranh nhau ăn (thủy-cung thuộc về loài hổ sát, như rùa, trăn, cá sấu, cáu đòng - luông); thủy-cung tục gọi là bích - hồ, mình thấp, sắc xám đen, có bốn chân, ngón chân u lằng mà yếu, đi thường dựa vào giống thú khác, tìm những con sâu ở cạnh tường mà ăn. Sách *Bách-vật chí* chép con này ăn châu sa, mình toàn đỏ mỗi

lần ăn, phải đủ bảy cân, mà châu sa phải đủ một vạn chầy! Giống này dùng để trang điểm đàn bà con gái từ cả năm không phai, nhưng tuyệt diệu và phùng độc, nên gọi là thủy-cung, cứ như thế, thì tiếng ta không có tên).

Khi em Long - Đinh là Minh Xương ở Tàu về, có đỗ được một người con gái Tàu họ Tiêu, đem dâng Long-Đinh, Long-Đinh nhận rồi cho làm cung-nhân, vì hoang dâm ứu sả; dần dần thành ra bệnh tử, năm mà tiếp các quan vào triều, nên người bấy giờ gọi là «ngọa triều». Đến mùa đông tháng mười năm kỷ dậu (1009) ngày tân tỵ, Long - Đinh mất ở lâm-diện, thọ hưởng ngũ (Đại-Việt-sử-ký-toan-thư, q. 1, tờ 30a-b, *Khâm-định Việt-sử*, q. 2, tờ 3a-b).

Trên kia có nói hồi tháng 10 năm 1005, khi Lê Trang - tông bị Lê Long-Đinh giết, các quan đều chạy cả, duy một mình chức cấm-quân là Lý-ông Uân ôm xác Trưng tông mà khóc: Lê Long-Đinh khen là người trung, phong làm tả-thần-vệ diện-tiền chỉ-huy-sứ.

Nguyên chỗ làng Công-Uân ở, là làng Dền-uân (thuộc về châu Cổ-pháp), trước kia có cây Mộc-miên (tức cây gạo) bị sét đánh *Khâm-định Việt-sử* (q. 2, tờ 42) chép rằng «Sau khi sét đánh, trên cây có dấu chữ như sau này: «Thy rấn đều đều, mộc biện tranh thanh. Hỏa-đao-mộc lạc, Thập bát-tử thành. Đông-a nhập địa, Di-mộ: tái sinh. Chấn cung biện nhật, Đoài cung ăn ỉnh. Lục thất niên gian, ỉh ôn hạ thái bình». Sư Vạn-hành là sư ở chùa Lục-tổ, tức là Thầy học của Lý

Công-Uân, tự bản riêng rằng: «Thụ căn điều điều»: Căn nghĩa là «gốc», «gốc» cũng như «vua». Chữ điều đọc gần giống chữ yều nghĩa là «chết non». «Mộc biểu thanh»: biểu nghĩa là «ngọn», «ngọn» cũng như «bày tôi». Chữ thanh đồng âm với chữ thanh (có thảo đầu), nghĩa là xanh tốt. Hòa-đạo mộc là chữ «Lê». Thập-bát-tử là chữ «Lý». Đông-a là họ «Trần». Nhập địa là «người Tàu vào ăn cướp». Dị mộc tái sinh là «họ Lê lại sinh» (có bản viết là «mộc dị» nghĩa cũng thế). «Chấn cung hiện nhật»: Chấn là «phương đông», hiện là «mọc ra» nhật là «mặt trời» vì ngôi vua. Đới cung ẩn tinh: Đới là «phương tây» ẩn cũng như mặt. Tinh là «sao», vì thường-đán. Đây nói vua chết non tôi thịnh, nhà Lê mất, nhà Lý lên, phương đông ngôi vua hiện ra, phương tây thường-đán mất đi, qua sáu bảy năm, thiên-hạ được thái- bình».

Tuy Sử chép như thế, nhưng không nên tin là có thật, đại-dồ cũng như chuyện Lê-Lợi sai người đi viết vào cây mấy chữ «Lê Lợi vi quân, Nguyễn-Trãi vi thần» nghĩa là «Lê-Lợi làm vua, Nguyễn-Trãi làm tôi». Về sau Lê-Lợi đuổi được người Minh ra khỏi đất nước, thì mấy chữ ấy thành ra sấm thật!

Sư Vạn-hạnh giải nghĩa một mình xong rồi, bảo Công-Uân rằng: «Cần đây tôi xem lời sấm, thì biết cái đêm nhà Lê mất, nhà Lý thịnh, chắc là khởi nghiệp đế vương, hiện nay họ Lý ở trong nước thì nhiều, nhưng không ai bằng ông là người khoan-độ

nhân-thứ, lại đượ lòng dân. Mà lại cần bầy-quyết ở đây đây là cốt trụ cả muôn dân, không phải ông thì ai vào đây? Tôi nay đã ngoài bảy mươi, xin được chết vội, để xem đức hóa của ông thế nào, thực là dịp may nghìn năm mới có một lần», (Việt-sử-lược, q. 2 tờ 1 b chép rằng: tôi đã ngoài bảy mươi, tiếc rằng không kịp trông thấy đời thịnh trị).

Công-Uân nghe Vạn-hạnh nói, sợ thất lộ, bảo anh em Vạn-hạnh giấu ở Thêu-sơn (Việt-sử-lược, chép là Ba-sơn). Nhưng từ bấy giờ Công-Uân cũng có ý tự phụ, và sinh lòng đố kỵ người khác, mà lòng người cũng quy-phụ nhiều. Có khi Lê Long-Đĩnh ăn quả khế được hột mận (thực ngũ liêm quả đào lý bạch) nghĩ đến lời sấm, thường ngầm cho đi tìm họ Lý để giết, thế mà Lý Công-Uân ở ngay bên cạnh, lại không biết!

Năm thứ hai hiệu Cảnh-thụy (1009), Lê Long-Đĩnh mất, tự-quân còn nhỏ, Lý Công-Uân lúc ấy ba mươi sáu tuổi, cùng với chú hữu diện-tiền chỉ hầy-sử là Nguyễn-Đô, đem năm trăm long bin vào tác-vệ (chấn trụ). Lúc ấy ở nội-diện có chức chi-hậu là Đào-cam-Mộc, dò biết Lý Công-Uân có ý muốn làm vua bèn lừa lén vắng người, nói rằng: «Chúa-thượng, hôn-mê, làm nhiều điều bất nghĩa, ý giới đã chán, nên không được thọ chung, nay tự-quân còn bé, chịu thế nào được nhiều nạn các vạ: rồi bởi, bách thần không nương tựa, nhân-dân đang nhao-nhao, đề tìm chúa-chúa. Sao ông không nắm lấy lúc này bắt-chước như

Tuân, Vũ ngày xưa, như Đinh, Lê mới rồi, trên thuận lòng trời, dưới theo nhân-vọng, mà còn giữ như-khư tiêu tiết mã, làm gì?» Công-Uân tuy trong lòng thất-lâm, nhưng còn ngờ có gian-mưu gì khác, mới giả cách mắng rằng: «Sao ông lại nói thế, tôi bắt ông nộp quan bây giờ!» Cam-Mộc thông-thả thừa rằng: «Tôi xem thiên-thời nhân-sự như thế, nên mới báo ông. Nay ông bắt tôi nộp quan, tôi đành chịu tội». Công-Uân nói: «Tôi nữa nào lại bắt ông đem nộp, nhưng sợ lời nói ấy tiết lộ, thì chúng ta cùng bị chết, cho nên răn trước».

Đến hôm sau Cam-mộc lại báo Công-Uân rằng: «Người trong nước đều nói rằng nhà Lý thay nhà Lê, vì lời sấm rõ ràng, không thể che lấp được nữa. Chuyện họa làm phúc, chính là lúc này, ông còn nghi ngờ gì nữa?» Công-Uân nói: «Tôi biết ý ông cùng lời sư Vạn-hạnh giống nhau, nếu thật như thế, bây giờ làm thế nào?» Cam-Mộc nói: «Ông là người công-thứ khoan-nhân, lòng dân tin phục, trong lúc này trấn họ mới mệt, dân không chịu nổi chính-sách của Lê Long-Đĩnh, ông nên lấy lòng nhân-đức vỗ-về, họ tất theo mau như nước chảy chỗ trũng, chẳng ai ngăn nổi.»

(Xem tiếp trang 15)



Lữ-ký

HAI THÁNG Ở GÒ ÓC-EO

HAY LÀ CÂU CHUYỆN ĐI ĐÀO VÀNG

Số 3

của Biệt-lam TRẦN HUY BA

Đi Long-xuyên

Theo đúng chương trình đã định, thì đoàn phái-bộ kháq cõ chúng tôi phải đi Long-xuyên vào ngày 3 II, nhưng hôm nay đã là ngày 7 rồi. Chúng tôi nóng lòng chờ đợi ông J. M. ở Hà - nội vào là đi liền, vì đoàn phái-bộ đã thu xếp các thứ cần dùng: như súng, thuốc, bữa, dao, thùng, sọt, giấy má, thuốc men, hao quẹt, xà-phòng, chiếu, màn, chăn đệm, tiền sọ, tiền bạc, nói tóm lại, các đồ vật cầu dùng như một trại quân. Ông Chánh đoàn đã dự bị đủ. Vậy mà càng mong càng thấy tới! Kịp khi đến nhà ga bởi, mới thấy chuyến tàu Hà nội đi hôm thứ bảy 5. II bị chậm trễ. Suốt ngày hôm 7 tới-năm giờ chiều ngày 8 mới thấy tin, vào khoảng 8 giờ tới thì xe hỏa tới. Khi xe dừng bánh, ông J. M. có vẻ mệt nhọc, vội vàng nói cho chúng tôi lấy cái cớ mà xe hỏa bị trễ. Thì ra đoàn xe của ông đi đã bị tai-họa ở đèo đượng, may cho ông không bị nạn.

Sáng ngày 9. II, đoàn phái-bộ, phải lên đường, vì ô tô và cam nhông đã đốt than chờ đợi, lại còn mười lăm người bạn Trại-sinh « campeurs » nóng lòng chờ nữa. Vậy dù ông J. M. có còn, một nhọc cũng phải gắng gượng đi cùng, nếu ông ở trễ lại, thì sự đi đến sẽ phiền toả cho ông nhiều lắm, vì từ Saigon đến Long-xuyên trong lúc này đi được không phải dễ dàng gì! Thế là hồi 9 giờ ngày 9 chúng tôi đã vâng thượng lộ

Cam-nhông lờ-quạt xè-xè...
Chín giờ chuông điểm, bánh xe quay liền.
Theo đường chỉ Long-xuyên liền phát,
Hết phố-phượng, qua hạt ruộng-nương,
Xa trông thẳng tắp một đường,
Phẳng lì lát nhựa, hai hàng cây cao,
Đôi bên có sông đào dẫn nước,
Dàn lá diên sau trước ở đông.
Mỗi nhà một cái cầu vồng-
Bắc qua ngôi chày, bóng lồng nước trời...
Cỏ lúa, mác sồi » thẳng trước,

Có cỏ hoa vườn được đặt bày,
Có nhà ngôi lợp, tường xây,
Có nhà vách nát lá-lời-tiểu điều!!!
Tới nẻo rẽ theo chiều tay phải,
Ngâm hàng cây một dải ô che,
Tít xa một vách thấp xè...
Vuong vuong xanh đỏ vàng the đủ màu...
Có ruộng lúa rừ đầu chín lới,
Có nơi kia, lúa mới cấy xong,
Có nơi lúa mới đồng-dòng,
Có nơi lúa đã gặt xong bao giờ.
Thế mới biết tùy-cơ canh-giá...
Riêng vùng này có lạ các nơi!
Đoái trông xa tít chân trời,
Không làng, không xóm, không người lại qua!
Nhìn càng đăm, ngắm càng xa...
Cò bay thẳng cánh, thực là không sai!
Càng anh em, đường say ngắm cảnh,
Sông Mé kông một cánh đò ngang,
Vội vàng rẽ tách, người mang,
Xuống phà sà-lúp kéo sang bên gheềnh,
Giữa dòng sông, mỏng-mảnh nước chảy!
Đợt sóng dồn, hấy hấy gió nam...
Tới Long-xuyên vừa nhăm bảy rưỡi,
Đoàn xe dừng bên dưới bóng cây,
Bình-đức cóng-sở nơi đây,
Anh em vào đó, đóng ngay trên lầu.
Sửa chần mần hồi lâu chu-lát,
Rồi cùng nhau, dạo hết phố-phượng,
Coi chừng nhà cửa phong quang,
Bán buôn sầm uất, xóm làng đông vui!
Người mua bán tới lui tấp nập,
Cách bên sông chợ họp tung-bưng,
Kẻ ăn, người uống như rừng!
Bánh quả la-liệt, coi chừng hết mau!
Bên tụ họp cùng nhau ăn uống,
Đoạn liệp rồi cùng xuống thuyền bơi,
Vừng trắng trong suốt bầu trời,
Khác gì Xích-bích, thỏa đời ông Tó.
Kia mặt nước, nhấp nhô gợn sóng!

Nợ buồm ai che bóng trắng vàng !
 Lửa đèn ống-ánh hai hàng, ?
 Gà đũa xào-xạc, bên lạng gậy om,
 Trống bên lăm lom-lom điểm nhật,
 Gió hiu-hiu mát mặt đời cơn...
 Nhật khoa giọng sáo, tiếng đờn,
 Cái kho vô tận, thế hơn đời trần...
 Cùng nhau đã muốn phần khoái lạc...
 Khác chi lâu Hoàng hạc tiên du !
 Chả chơi thì thiệt ai bù ?
 Trăng trong gió mát, ấy, kìa trời dành,
 Còn đương ngấm nọc xanh, nước biển,
 Còn đương tróng ừng chiếc sao mờ,
 Còn đương giùng-giăng ngẩn ngơ,
 Con thuyền đâu đã kẻ bờ sông trong,
 Sầu một cuộc mát lòng, giải trí,
 Ngủ mái hời cho chí sớm mai.
 Ở yên lại đó hai ngày
 Tìm mua thêm thất vật này, đồ kia,
 Sớm mười chín, trời chưa hẳn sáng
 Đã cùng nhau sốt-sắng lên đường !
 Trời còn nặng trĩu bầu sương,
 Đoàn xe sầm sập, thẳng đường tiến mau !
 Nhìn mãi lại, phía sau bụi cát :
 Kìa vừng đông nhân-nhật đỏ hấy !
 Hai bên làng xóm ngủ say,
 Riêng ta sớm đã vụng tay tiến hoải...
 — Đi đâu thế ? những ai trông ấy ?
 — Đi đào vàng, cổ lũy của xưa,
 Hóa nên chẳng ngại nắng mưa !
 — « Tham vàng bỏ ngãi thời chưa biết
 không ? »
 Ấy văng vẳng trên không bão thế,
 Hay là nhờ Thượng-đế truyền răn !
 Cái đầu nghê ngời bấn-khoảnh,
 Được thua há lọt ngoài-vành Hỏa-công !
 Hăm hai cây, tới sông đào đỏ,
 Cùng xuống thuyền ca-nối kéo đi,
 Hai bên đồng ruộng phẳng lì, ?
 Mệt-mùng thăm-thẳm càng đi càng dài.
 Tới Vọng-thê mười hai giờ đúng,
 Đủ kỳ-hào, dân-chúng đón mời.
 Chén trà, vừa vắt xong-xuối,
 Tiệc, cơm kịp đặt cánh ngời vào ăn.
 Xong rồi thu xếp màn chắn,
 Sa la yếm đỏ xếp thành « trại quân » !
 Ấy nơi đó trù chầu sớm tối,

Còn uống ăn theo lối công đình,
 Hai ngày nghỉ dưỡng tâm linh,
 Ở eo cách đó, hành trình còn xa...
 Bốn cây số lội qua ruộng cỏ,
 Cát bùn pha đất đỏ lỏ nhỏ...
 Xa trông thấp thoáng mấy gò,
 Kìa gò Cây-thị, nọ gò Ốc-eo,
 Gò Giồng cái lèo lèo mấy xóm,
 Làng Ông-Phi một mồm chạy dài,
 Nhấp nhổ gò đá một hai,
 Ông-à lại mọc một vài cây Trôm.
 Ngắm địa thế hai hôm về trước,
 Đồ cò xưa nhặt được khá nhiều,
 Mảnh sành, hạt ngọc, nôi niêu,
 Càng đồ trang sức mỹ miều khắp nơi.
 Viện Bác cổ phải ngườt xem xét,
 Các phái viên dò xét từng li,
 Hề tìm kiếm được vật gì,
 Bản đồ kịp giờ, tức thì biên 'én,
 Đóng cọc trắng hai bên cho thẳng,
 Buộc giây thành từng chặng ở ruộng,
 Phải đào cho thật ra tuấn.
 Gặp gì cũng chớ coi thường bỏ rơi.
 Ấy công việc tìm-dò cò tích,
 Các nhân-viên giúp ích đã nhiều...
 Giúp vào văn-hóa bao nhiêu,
 Riêng phần Bác cổ có nhiều diện chương !
 Gọi mấy nhời dung-hường chép nhặt...
 Cho khỏi quên sự vật hầy ngày.
 Còn nhiều chuyện thú sau này.
 Xem chương tiếp-ký sau đây sẽ tường.

(Vọng-thê 27 II-44)

(Còn nữa) Biệt lam TRẦN-HUY-BA

NHỮNG KHÁCH TIÊU PHÒNG

(Tiếp theo trang 9)

thỉnh thoảng chỉ mộ hay chỉ được vào thăm vắng
 trong Hoàng-thành. Cuộc đời trong cung thật là
 yên-lặng, không liên-lạc gì với cuộc sinh-hoạt của
 xã-bội bên ngoài.

Tổn tâm nghiêm khi công cao tướng,

Cạn dòng lá thắm, dứt đường chim xanh.

Những hội-thị giữa bầu-hạ dưới triều đức Khải-
 định kể lại rằng đức Hoàng-tôn mỗi khi nói đến
 các cung nhân thường phan dạy : « Hoàng-cung
 đây là một cảnh chùa, ai muốn xuất gia thì cho
 phép vào đây tu hành » để tỏ vẻ thâm nghiêm của
 chốn tiêu-pi trong mười năm ngài trị lý.

HOÀNG THIẾU-SƠN

BÀN GÓP VỀ NGUỒN GỐC TIẾNG VIỆT-NAM

Số 2

ĐÀO-TRỌNG-ĐU.

Lầu cá. — Lầu-cá không phải lầu-linh và lầu-lầu. Liễn-lầu ở chữ li là lầu tiếng Quảng-Đông. Liễn-lầu lộn ngược lại, thành lầu-liễn, tức là lầu linh. Còn lầu cá, nguồn gốc ở chữ giáo hoạt. Giáo giọng Bắc-kinh là chèo; chèo thành ra lầu, có một tương-cứng nghị-h là lạp thành ra thàng chạp lam thành ra màu chán. Hoạt thành ra cá, có ngoại-chữ-ng: âm hoạt nhật-bản đọc là kotsi.

Đánh cá. — Ta thường nói đánh cá, không ai nói đánh chim, vì đánh cá là tiếng liền, nguồn-gốc ở chữ đả ngư, Quảng-Đông là tá yúy. Tá yúy viết-hoá ra hai tiếng sinh-dôi: đánh cá và đánh giôm.

Đánh bạc. — Đánh bạc không phải là fapper-argo. Đánh bạc là tiếng liền, nguồn gốc ở chữ đồ-bác. Đồ-bác thành đánh-bạc vì chữ ảnh-hưởng chữ đánh bài, cõ rẽ ở chữ tả phải, Quảng-Đông. Đồ đã thành ra đánh, thì bác không thể giữ nguyên-âm được. Đồ bác phải cần đến tễa, nên chữ bác biến thành chữ bạc; đồ bác là đánh bạc, không phải lấy gậy đánh chủ đánh bạc.

Đánh thuế. — Chữ nho là đã thuế, giọng Quảng-Đông là tả sai. Chữ tả sai của người Khách có hai nghĩa: nhà nước tả sai, là nhà nước đánh thuế, dân gian tả sai là dân-gian đóng thuế. Chữ tả sai biến thành hai tiếng sinh-dôi Việt-nam: đánh thuế và đóng thuế. Đình bạc không nên nhầm với

đánh thuế, cũng như đóng thuế không nên nhầm với đóng đồn: cùng một âm đánh âm đóng mà nguồn-gốc mỗi đảng một khác.

Khẩu khỉnh. — Ở chữ hào khản, tiếng Bắc-kinh là trông đẹp. Hào khản thành ra khẩu-khỉnh, vì luật thụ-hướng và luật đồng-âm: đồng điệu: ba luật này một bài sau tôi sẽ bàn đến. Hào khản thành ra khẩu khỉnh là theo điệu chữ lầu-linh, Khản thành ra khỉnh cũng như lãn (đại lãn) thành ra linh (lời linh).

Ngô - nghinh. — Cùng một nguồn-gốc với hai chữ khẩu-khỉnh. Chữ hào thành ra chữ ngô có một tương-cứng là chữ ngo - hậu, tiếng nhật độ là gô-ngô (chữ latin viết là gogo, nhưng độ tựa như gô-gô).

Sạch-sẽ. — Ở chữ thanh khiết, Bắc-kinh đọc là shinh chié. Shinh thành ra shanh, shanh thành ra sạch. Chié thành ra sẽ và dùng làm tiếng đệm. Ý nghĩa hai chữ thanh-khiết tự vào cả chữ sạch.

Ngoại ra. — Ở chữ ngoại giả: Ngạc thành ra ngoài, giả phải thành ra ra: ý bên ngoài đã gọi ra ý đi ra. Ta không nhầm chữ ra (ngoại ra) với chữ ra (đi ra), nguồn-gốc ở chữ xuất và chữ ra (ra phết), cùng một cõ-rẽ với hai chữ của bompốt, tiếng Cao-mên. Chữ bompốt rút ngắn lại thành chia phốt tức là ra phết.

Thoạt tiên. — Chữ thau sán, tiếng Quảng-Đông, nho-hóa ra đầu tiên và dân-bỏ ra thoạt tiên. Khi chữ thoạt ta lại dùng riêng ra và

ghép với chữ khác, như thoạt mới, thoạt đầu...

Sánh nghề. — Sánh nghề cùng nghĩa với thiện-nghệ. Nghệ thành ra nghề, thì thiện phải thành ra sánh. Thiện đã thành ra sánh, thì tất-nhiên thiện-tại phải thành ra sánh-sỏi: chữ sỏi Quảng-Đông thành ra ba tiếng Việt-nam: tả trong chữ tài-nặng, giới trong chữ giới-giang, và sỏi trong chữ sánh-sỏi.

Lễ-lối. — Lễ-lợi Quảng-Đông thành ra lệ-luật, chữ nho, và lễ-lối tiếng nôm. Cùng một chữ lợi, đi với lễ thì thành ra lối (lễ-lối) đi với một lợi lại thành ra loại (một loại, tức là nhất luật).

Đóng vai. — Nguồn-gốc ở chữ đả bán. Đả bán thành ra đóng vai cũng như đã thuế thành ra đóng thuế. Đều là tiếng liền ngoại quốc biến thành tiếng liền Việt-nam. Chữ bán đi riêng một mình, còn thành ra bán và mặt: (bàn quần áo), mặt quần áo).

Đứng đắn. — Người Nam thường nói là đứng-dắn và cắt-nghĩa là đúng exact, juste. Cắt-nghĩa như vậy, không phải là vô-lý, vì đứng-dẫn nguồn-gốc ở chính-dáng, mà chính nghĩa là đúng thật. Nhưng trách người Bắc nói đứng-dẫn không đúng, thời vị-tất đã đúng. Hai chữ, chính-dáng ở ngoài Bắc thành ra đứng-dắn, vào trong Nam thành ra đứng-dẫn, cũng như savon thành ra xà-phòng của người Bắc và xà-bông của

người Nam. Huống chi văn chính Việt-hóa ra tiếng nôm có thể biến thành nhiều tiếng khác nhau, ví-dụ:

chính (chữ nhỏ) thành ra đứng
(đứng-dẫn)
— id — đứng và
giêng (thắng giêng)
chính (—) — id — sang (sửa-sang)
chính (—) — id — chĩnh
chính (qd) — id — chĩnh
chính (qd) — id — giêng
chính (chữ nhỏ) — id — dần
(đỡ-dần)

Trái lại, âm đúng Việt-nam có hai nguồn-gốc: đúng chĩnh, ở chữ chính và ngấm cho đúng, ở chữ trĩnh, nói chĩnh đi; âm đúng có ba nguồn-gốc: đứng ngồi, ở chữ trĩnh Bắc-kinh (nhỏ là trạm), đứng-dẫn ở chữ chính-dẫn, và đứng lại, là tiếng sinh-dôi với chữ giêng (đứng), nguồn-gốc ở chữ đình (đình-chỉ). Chữ đứng-ngồi lại chuyển thành chữ giêng (dựng): giêng lên tức là để đứng lên. Vậy nói đứng-dẫn cũng được, nhưng không nên tưởng chữ đúng ấy là ngấm cho đúng. Nói đứng-

đần cũng được, nhưng không nên viện lẽ đứng-dẫn là nói về cách cử chỉ, cách đứng ngồi

Đi nữa và chẳng nữa. — Cùng một nguồn-gốc: đi nữa là *chẳng nữa* ở chữ dịch thoại. tiếng Bắc kinh đọc là từ hĩa hay từ hóa. Dịch thoại dịch nghĩa ra tiếng nôm, là đến điều, n'ư câu « ví dụ giải-kết đến điều ». Vì liên-âm ra Việt ngữ, là đi nữa hay chẳng nữa. Từ thành ra đi, không cần phải cắt-ngiĩa. hóa thành ra nữa, như hóa thành ra lửa (tương chứng thuật) và hóa thành ra hoa (tương-chứng nghệch, xem chữ đầu lâu hoa cái). Còn từ thành ra *chẳng*, có một tương-chứng thuật là tổ (dho là đa) thành ra chán (chán vạn). Vậy đi nữa hay chẳng nữa nguồn-gốc ở chữ từ hóa. Mà câu gỡ ra cho nữa còn gì là duyên, ông Nguyễn-văn-Tổ bản đến hôm trước, không phải là không có nghĩa: gỡ ra cho nữa, là gỡ ra chang nữa nơi chạnh đi, hoặc gỡ cho ra nữa cho cho đọc nhầm xuống dưới chữ ra.

Đầu lâu hoa cái. — Cũng là tiếng-lên: đầu lâu là đầu lư, hoa cái là nảo cái, cùng ngiĩa là sọ cá, Đầu lư nảo cái thành ra đầu lâu hoa cái. Lư thành ra lâu vì chịu ảnh-hưởng chữ đầu (như ưu-sầu thành sầu sầu (Nảo thành ra loa, vì vẫn L (chữ lâu) có « thanh khí » (affinité) với vẫn H (hoa) nhiều hơn với vẫn N (nảo).

Buôn bán. — Ở chữ thương-mại: hương thành buôn như đặt thành bày, còn mai thành bán vì vẫn B vẫn M đôi lẫn cho nhau được, vẫn an và ai cũng đôi lẫn cho nhau được (xem chữ đóng vai) buôn bán là chữ lên, bán đây không phải chữ phán ghép với chữ buôn (phán, bộ bán bên chữ phán),

(Lời nữa)

ĐÀO-TRỌNG-LU

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

(Tiếp theo trang 11)

Cam-Mộc biết việc đã gấp, sợ chậm sang bên, bèn đi báo cáo Khanh sĩ trong triều, ai cũng duyệt phục. Ngay hôm ấy Lopez ở triều đường, cùng bàn nhạo tấu: « Hiện nay các triệu nhân dân đều khác lòng và oán tiên đế (Long-Dinh) là người, không muốn theo tự quốc, có lòng muốn tôn cử thân-vệ, chúng ta nên k'ô g'ư áo lụa này tôn thân vệ làm thần tử, chọi một mai có biến, thì bọn ta có thể giữ được từ từ. Liệu không? » Nói xong, ông mời Cốc-giễn vào chính điện, lên ngôi hoàng đế, trăm quan đều lạy trong ngoài đều hô vạn tuế, lểng khắp cung triều ngoài nội, đại xá tù t'ên hạ, lấy năm sau (1010) làm năm từ từ nhất h'ư. T'ên-th'ôn ban chiếu rằng từ nay có người tranh tụng, đến t'ên t'ên-d'inh, lâu vua, vua t'ên xét đoán. Các quan dâng t'ên hiệu là « Phục-th'ên c'hi-l'ý ứng vận tự trị thánh minh long-hi'ên duệ an an h'ư vũ sung nh'ân qu'ang-hi'ên thiên hạ t'ái kinh Khâm-minh Quang trạch chương-minh vạn bang biên-ứ g'phù-c'ảm uy-c'hiển phiên-m'ân duệ-m'ư t'ên-t'ư thánh trị t'ái-th'ôn đạo-c'hi'nh hoàng-đế ».

Tất cả 50 chữ, y như các tôn-hiệu của vua chúa Ấn-độ và các nước theo văn-hóa Ấn-độ Ngô-si-Liên cho rằng: « Những ông vua (oán) t'ên như Nghi'ên T'ái t'ên cũng chỉ dùng đến t'ái chữ, ở sau ông t'áo nh'ều làm thì dùng đến 10 chữ là t'ên, đây Lý T'ái t'ái dùng đến 50 chữ, con là T'ái t'ên lại dùng gần 50 chữ, t'ái t'ái là t'ái t'ái t'ái, dễ học, dễ đời sau t'ái t'ái t'ái » (Đại-Việt sử ký toàn thư, q. 1, từ 30 a-34 a).

(Còn nữa)

Ứng-Hoà NGUYỄN VĂN TỐ

ĐANG IN LẦN THỨ 2:

LAM BÈP GIỎI

Sách giấy hơn 300 trang.
Có thêm nhiều bài mới lạ.
In có hạn, Xin trả tiền trước. Không gửi linh hồn giao ngân.

Giá 10\$ cước phí 1\$
Nhà xuất bản Phụ-Nữ
phát hành. Thư và mandat
đề cho:

Bà ĐÀO THỊ MINH
118 Davillier — Hanoi

BA NGƯỜI THỌ' CẦN MẢN

Số 7 (1)

LÊ-THANH

Ngoài ra còn bao nhiêu bài khác, về luật học, kinh tế-học, giáo dục... người ta có thể nói rằng tạp chí Nam phong chứa đựng hầu hết các ngành học của người và vì vậy, tạp chí ấy có tự nhận, cái danh là một bách-khoa tạp-chí. (Revue encyclopedique), cũng không phải là quá đáng.

Hãy đề ra ngoài cái công của tạp chí ấy đối với « quốc văn », cái ảnh hưởng của những mục văn luận thuyết, văn học, triết học, khoa học vừa nói trên, đối với rêu tư tưởng Việt-nam không phải là nhỏ.

Ta còn nhớ đầu thế kỷ này các nhà nho ta bắt đầu đọc những sách tân dị là ở những văn chương Âu-Ây — thí dụ: Văn pháp tinh lý của Montesquieu. Dân ước của Rousseau... — mà thời bấy giờ gọi là tân thư. Tôi đã được một vị túc nho thuật lại cho nghe việc đọc những tân thư ấy; người mình ham mê đọc, đọc xong đem ra bình luận, tựa hồ như vừa được trông thấy một luồng ánh sáng mới, những ánh sáng ấy có thể làm sống lại những tâm hồn đã gần cõi và đang hé là.

Tôi chắc rằng thời kỳ mười năm sau này, người ta phải đọc những bài cũng có cái tinh cách tân thư trên kia, cũng phải hoan nghênh như thế. Hay hơn nữa vì không những được biết những tư tưởng mới với những bài như

« văn minh học thuật nước Pháp, « văn học nước Pháp », « Thế giới tiến bộ sử » v.v... mà còn được trông thấy những tư tưởng ấy đến tả bằng tiếng Nam minh.

Người ta ham-mê đọc đề hiệu và đề so sánh. So sánh những cái hay của người với cái dở của mình. Đây là nói về cái phần văn học và tư tưởng của Thái tây, Phần Đông phương cũng không kém phần quan hệ. Những học thuyết, những tôn giáo, những trào lưu văn học đã tràn vào ta, chủ từ ở ta, làm căn bản cho cuộc đời sống vật chất và tinh thần của ta, báo Nam-phong có đem thuật ra cho những người không có nhọc học đọc.

Nói về các công của Nam-phong trong phạm vi này, tôi muốn nhắc lại đây lời của ông Thiệu Sơn trong một bài phê bình, ông Phạm Quỳnh :

« Cái công-priêu trí-tác của ông, ích cho quốc-dân không phải là nhỏ mà ảnh hưởng đối với nhân-chúng cũng thật là sâu. Có nhiều người không biết đọc văn Tây văn Tàu, chỉ nhờ Nam-phong ưu-đắc mà cũng có được cái trí-thức phổ thông tạm đủ sinh hoạt ở đời. Có nhiều ông đồ như chỉ xem Nam-phong mà cũng biết được đại-khái những văn-chương học-thuật của tây phương, có lắm ông đồ tây chỉ xem Nam-phong mà cũng hiểu qua được cái tinh-thần văn-hóa của Đông-Á ».

(Phê-bình và thảo luận)

Nói về cái địa vị của ông Phạm Quỳnh trong việc gây dựng cái nền quốc-văn, có người bảo từ hàng thế-kỷ nay không có người nào có cái công lớn như ông. Ngã đến Trương Vĩnh-Ký cũng là một 'số người' vô-danh Nam-kỳ cuối thế-kỷ trước đã từng chiến đấu cho sự sống còn của chữ quốc-ngữ ta cho lời nó có phần quá đáng, nhưng không phải là không có lý. Cái ảnh hưởng của ông đối với quốc văn trong khoảng mười lăm hai mươi năm vừa qua vừa rộng vừa sâu, lượng được đề dịch lấy cái công của ông thực là quá.

Khi tờ Nam phong xuất bản, văn biết ông Nguyễn văn Vĩnh và một số đồng-chí đã nhóm được cái phong trào quốc văn, nhưng cái phong trào chưa được bùng nổ cho lắm. Chữ quốc-ngữ thì nghèo nàn, mỗi khi dùng đến là bần khoản lúng túng. Thêm vào đây một hiểm tượng mới là bỏ được cái học chữ nho — lúc này thì hương thị hội đã bỏ — người mình lại quay đi học chữ Tây, cũng miệt mài như khi xưa đi miệt mài với chữ nho vậy. Thành thử năm bảy năm về trước người thức giả vụ quốc văn có hai việc: ly-giáo người mình với chữ nho, cổ động người mình học chữ quốc ngữ, ngày nay ông Phạm Quỳnh cũng lại có hai việc: tỏ rõ cùng chính phủ, cùng đồng bào

(Xem tiếp trang 20)

(1) Xin xem T. T. 158

Truyện cụ Chu-An

Số 3

TRAN HÀM-TÂN

Cành vàng lá ngọc gò Đống,
 Ấu vàng vừng-chải non sông
 đời đời,
 Lòng son vì nước có Trời,
 Phượng hoàng đậu chốn nhớ
 nơi lai triều.

Cụ tôi nhà, cổ hoa hơn hờ, chim muông vui mừng; ngò đâu hạc vàng đã trực, mây trắng đang bay, ngày 21 tháng một năm ấy, cụ thấy thần thề mỗi một; ngày 26 cụ mất ở nhà. Vua Nghệ-tông sai quan đến tế và ban thụy « Văn-trình » cùng hiệu Khang tiết ít lâu, cụ được tòng tự Văn-miếu, (trong đời Tây-sơn bãi đi, đức Minh-mệnh lại ân phục (1837). Chu-dinh-Bảo, Tiến-sĩ đời vua Thánh-tông (1460-1497) nhà Lê, tức là dòng-dối nhà cụ vậy.

Năm quý-mão (1783) đời Cảnh-hung, Hành-tham-tụng Bùi-huy-Bích mới tổ ý hăm mộ với quan Hiến-sát-sứ Hải-dương là Lê-duy-Đản cố tìm chỗ an cư của cụ trong hàng núi Kiệt đặc; ngay đầu năm sau thì tìm được di-tích ở sườn núi, Hiến-sát-sứ sai tạc đá Kính-chủ làm bia khắc tám chữ « Chu Văn-trình tiên sinh an cư xứ »

Năm Tân-sửu (1841) đời vua Thiệu-trị quan An Nguyễn-Bảo nhân thăm xem bia, bèn dựng đền lên nền cũ (vết ở Phượng-sơn từ bây giờ lên một ít, vào phần núi thôn Tường xã Kiệt-đặc-đoài) để phụng thờ cụ và có đặt ruộng thờ

cùng nghi-chú giao cho dân sở-tại. Hiện viện Bác-cổ Viễn-dông còn bảo tồn bốn cái bia ở đền, niên hiệu rõ nhất là « Cảnh-hung Giáp-thân » (1784). Câu đối ở đền có như sau này:

古壁名高鳳嶺泉
 饒迨趙
 斗山望重黎前李後
 別師尊

Cổ bích danh cao, Phượng lĩnh miếu
 toàn nhiên dật thủ.
 Đẩu sơn vọng trọng, Lê tiền Lý hậu
 biệt sư tôn.

七斬特孤忠南矣道
 未湮清烈水
 一生能萬世東之阿
 獨峙鳳凰山

Thất trảm đặc-cổ trung, Nam hĩ
 đạo vị nhân Thanh-liệt thủy.
 Nhất sinh năng vạn thế Đông chi
 a độc trĩ Phượng-hoàng sơn.

南國儒尊懸北斗
 東阿樵隱仰高山

Nam quốc nho tôn huyền Bắc-dẩu.
 Đông-a tiên ẩn ngưỡng cao sơn

Lại có bài ca vịnh phong cảnh, lược kể như sau này:

« Kiệt-sơn thất thập nhị phong,
 Phượng - hoàng đệ nhất trạo vàng
 Chí linh,
 Non Tường non Mát bao quanh,
 Qua Hàm-ếch trái Phượng - đình
 bước lên,
 Bên tháp Thánh, bên đống Huyền,
 Cách qua bãi Nhạn gần miền hạc
 Del... »

Nguyên quán cụ ở làng Quang cũng rõ dựng đền riêng thờ phụng và sắc phong thần thượng-dãng, trong đó câu đối nổi cũng đề: « Thất chảm xứ còn thơm, gương sử thẹn cho lòng mọi quốc; Lục kinh giáo chưa nguôi, bèn hương treo mãi chốn danh hương ».

Miêu mào nguy-nga mà dân một vùng ấy đều tôn cụ là « đức thánh Chu » cũng như tôn đức thánh Klông ở nước Nam.

Sử-quan Ngô sĩ-Liêu có bình phẩm cụ rằng: « .Tì ở vua dâm phạm, ột mặt mà không tình, xử thân chỉ lấy đạo chính mà không tà, gây dựng nhân tài thì công khanh cũng có là học trò, cao thượng phong cốt thì thần-tử chẳng kình như tôi tớ; hướng chỉ là uê mà chứng chạc mà đạo thấy càng tôn thanh khí cái ghê mà lễ tình ràng khấp; lễ ở sau ngàn năm kia ngle tởng cụ ấy dấu người ngoan ngu cũ g p' ai liêm lai mà người lười hèn cũng biết lập chí. »

Thư-ngọc, TRAN-HÀM-TÂN

ĐÓN COI SỞ TỚI

Phê-bình « Klông - giáo với ở Đào Duy-Anh »

Ứng học NGUYỄN-VĂN-TỎ
 Từ mình tì h của Phan Lương khê
 đến thần-clủ của Bôi Hứa-Nghĩa
 LÊ THỌ LUÂN

Độc sách

TIỀN ĐÁNH
 Mấy hội từ th ận với nhì-dồng
 HOA BẮNG

Tất liệp đề định chính những bài văn cổ

Số 75

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV. — Kim Văn Kiều (bài nối)

Câu « Nỗi nang hồi bất phân, mình Chồng con dâu tá, tính danh là gì? », kinh-bản của cụ Kiều-oánh-Mậu (tên là *Đoan trường* *đan thanh*, tờ 73 b) chưa rằng: « Có bản viết: Anh - hồng lúc ấy tính danh là gì? »

— Câu « Đại-quân đồn đóng cõi đông, Về sau chẳng biết vân-mông làm sao », kinh-bản chép « Đại đồn quân đóng cõi đông, Về sau chẳng biết sự công thế nào ».

— Các bản đều viết « Xót thay chốc lá bơ-vơ, Kiếp trần biết rũ bao giờ cho xong », duy kinh-bản chép « Kiếp phong - trần rũ bao giờ cho xong ».

— Đến câu dưới, hai bản quốc-ngữ của ông Nguyễn - văn - Vĩnh (1920 tr. 178; 1943, tr. 701) và kinh bản chép là « Hoa theo nước chảy xuôi dòng, Xót thân chìm nổi, đau lòng hợp tan ». Phường - bản của Quan-văn-đường (tờ 92 b) và *Kim Văn Kiều chú* (bản sao của trường Bắc - cổ, số AB 233, q. 3, tờ 48 b) chép là « Hoa trôi nước chảy xuôi dòng ».

— Hai bản quốc-ngữ và kinh-bản chép « Đàn cầm khéo ngân, ngơ dầy, Lửa hương hết ở kiếp này tủa thôi ». Phường - bản và *Kim Văn Kiều chú* chép là « Lò hương... ».

Các bản đều viết « Bình - hồng còn chứt xa-xôi, Dịch - chung sao uở ăn ngồi cho yên ». Duy kinh bản chép là « Bình-hồng còn kẻ xa xôi », xem ra phải hơn, vì câu này là Kim - Trọng tự nghĩ rằng:

Còn Thúy - Kiều đương trời nổi ở phương xa thì nổi nào sung-sướng một mình? Chữ « kẻ » ấy là chỉ Thúy - Kiều, nếu đặt chữ « chứt » thì lời văn hơi khinh, không đúng với tâm - sự. Bản dịch chữ tây (1943, tr. 703) giải nghĩa chữ « chứt » theo nghĩa chính là (cổ) thì không đúng.

— Câu « Rập mong treo ấn từ quan, Mấy sông cũng lội, mấy ngàn cũng pha », quốc - ngữ mới (tr. 703) và *Kim Văn Kiều chú* chưa là « cũng qua » thì không phải: chữ « pha » đây nghĩa là sông-phà. Câu này ý nói dù gặp sông cũng lội, gặp rừng núi hiểm trở cũng sông - pha: thiết tưởng thế mới đúng khẩu-khi của người đi tìm; nếu đặt chữ « qua » thì thường lắm, mà lại trùng với chữ « can qua » ở câu dưới là câu: « Giã mình trong áng cau qua ».

— Đến câu « Nghĩ điều trời thăm vực sâu, Bóng chim tăm cá, biết đâu mà nổi », kinh-bản chép là « Lại ở trời thăm vực sâu... ».

— Câu dưới các bản chữ nôm đều viết « Những là nấn-ná đời tin, Nắng mưa biết đã mấy phen dãi dơi ». Hai bản quốc-ngữ viết là « đã biết » thì có lẽ không phải.

— Phường - bản và *Kim Văn Kiều chú* chép « Kim thì cải nhậm Nam - bình, chàng Vương cũng cải nhậm thành Duy dương ». Kinh - bản chép là « Vương thì cũng cải nhậm thành Thư-dương ». Quốc - ngữ cũ (tr. 179) chép là « Chàng Vương cũng cải nhậm thành Thư - dương ». Quốc - ngữ mới (tr. 705) chép là « Phú-Dương ».

Vương Kim diễn từ, chép là « châu Dương ». Bản chữ nôm của Thanh-tâm tài-ni-ân, dịch ở dưới này, cũng chép là « châu Dương ». *Kim Văn Kiều chú* dẫn *Đại Thanh địa dư chí* như sau này: « Huyện Lâm-trị thuộc phủ Thanh-châu, tỉnh Sơn - đông; huyện Lâm-thanh thuộc phủ Đông-xương; huyện Nam-bình thuộc phủ Diêu-bình, tỉnh Phúc-kiến; huyện Duy-dương và Thái - châu thuộc tỉnh Ti-li-giang ». Như thế thì « Duy-dương » phải hơn. Vả lại, chữ « duy » mực bên bản duy, có lẽ nhầm ra chữ « Thư » mực bên bản duy.

— Câu « Xây nghề lễ giết đã tao, Sóng êm Phúc - kiến lửa tàn Tích-giang ». Duy phường - bản chép là « tro tàn ».

— Các bản đều viết « Rằng: Ngày hôm nọ giao bình, Thất cơ Tử đã tan linh trận tiền ». Kinh-bản chép là « Từ ngày hôm nọ giao bình ». Quốc-ngữ cũ (tr. 108) chép là « Rằng Ngày trước nọ giao bình » thì không phải.

— Câu « Trông lên linh-vị chữ bài, Trất - kinh mới hỏi những người đầu ta », kinh-bản chép là « vội hỏi » phải hơn.

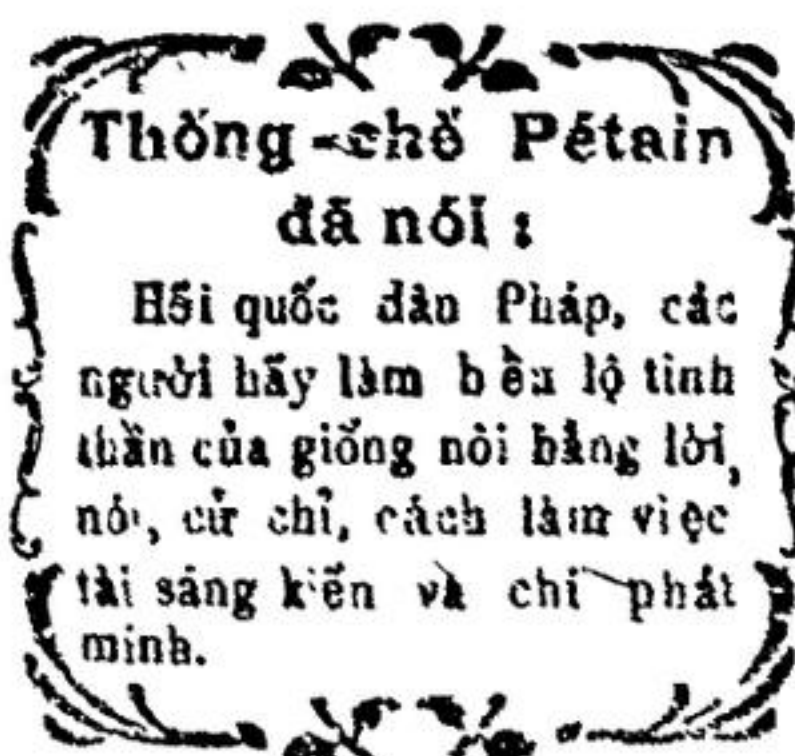
— Quốc-ngữ cũ (tr. 181) và kinh-bản viết là « nghe tin như nhát rụng-rời, xúm quanh kẻ-lẻ rộ lời hỏi tra ». Quốc-ngữ mới (tr. 717) và phường-bản chép là « kẻ họ ».

— Các bản đều viết « Giặc-duyên lên tiếng gọi nàng, Bỗng trong vội dạo son vàng bước ra ».

— Các bạn nôm đều viết « Giọt châu thánh thoát quện bào, Mừng-mừng túi-túi xiết bao là tỉnh ! ». Kinh-bản chưa : « Quện bào có hai nghĩa : một nghĩa là lấy vật áo lau nước mắt, một nghĩa là tay áo ». Chữ « quện » viết chầm thủng bằng chữ quền, ta thường đọc là quền, nhưng từ-diễn tàu không có chữ ấy, nên đọc là « quện », hoặc « quền ». Về dưới quốc-ngữ mới, (tr. 724) chép là « Mãng mãng túi túi biết bao sự-tỉnh ! ».

Từ câu « Rập mong treo ấn từ quan, Mấy sông cũng lợi, mấy ngàn cũng pha » trở xuống bản chữ nho của Thánh-Tám tại-nhân chép như sau :

Kim-trọng nghĩ đi nghĩ lại muốn bỏ chức quan để đi tìm ; nhưng trái mấy năm loạn-lạc, quân giặc giết người như rác, các đồn-ài canh-phòng nghiêm-ngặt, thì làm thế nào mà đi được ? Nghĩ rồi lại thôi thôi rồi lại nhớ, nhớ đến lại càng thêm đau lòng xót ruột. Bèn cùng Thúy-Vân ngâm bài thơ « từ biệt » của Thúy-Kiều, gây khúc đàn « hồ cầm » của Thúy-Kiều, đốt một nén hương của Thúy-Kiều còn sót lại. Sau khi thơ ngâm hết, đàn vừa xong, hương đang cháy, hình như trông thấy Thúy-Kiều thấp-thoảng ở trước mặt hai người : đó là cái tinh thần bài thơ « từ biệt » của Thúy-Kiều, có cái sức cảm-dộng, cho nên Kim-trọng và Thúy-Vân thấy thế. Từ bây giờ trở đi, Kim-trọng hình như say mê trong mộng-tưởng, chẳng phải điên-cuồng đồ-dại, mà cũng chẳng ra hồn lạnh.



Hỡi quốc dân Pháp, các người hãy làm bừa lộ tình thần của giống nòi bằng lời, nói, cử chỉ, cách làm việc tài sáng kiến và chí phát minh.

Thăm-thoát đã qua ba năm, Kim-trọng được đổi làm huyện-lệnh Nam-bình thuộc tỉnh Phú-Kiến, Vương-Quan cũng đổ loàng-giáp, được bổ phủ Tứ, châu Dương. Hai người bàn nhau rằng : « Kỳ hạn đến chỗ làm quan lấy còn sớm, ta nghe ở Tiền-đường thế giặc đã yên, đến Tích-giang bồi thăm tin-tức Thúy-Kiều, rồi sẽ đến chỗ làm quan, cũng chưa muộn gì ». Hai người bàn định xong, trình qua cha mẹ, hai ông bà đều mừng lắm, cùng khởi trình một ngày để đi đến Tích-giang. Khi đến Hàng-châu, thuê nhà ở lại, đề đi bồi thăm tin-tức. Mới nghe được Từ Hải đã chết, Thúy-Kiều càng cao không được thương, lại gả cho Vĩnh-thuận thứ-trưởng, nữa đem Thúy-Kiều nhẩy xuống sông Tiền-đường chết. Kim-Trọng nghe được tin ấy không nói được lời gì, bật lên khóc to, cả nhà cùng khóc, rất là thảm thiết. Rồi đi sắm-sửa lễ cúng, đem đèn trên sông Tiền-đường, đặt một bài vị viết tên Thúy-Kiều đề cúng, giết ba chén rượu, định làm văn-tế, nhưng vì tình đau thương quá, phải đọc bài chiếu hồn của Tống-Ngọc chép trong Sở-từ đề viếng. Đọc xong, cả nhà cùng khóc, hình như lở đất long giới !

Chợt thấy một vị sư-bà đi qua, trông thấy bài vị dờ lờn Thúy-Kiều, cười to lên rồi hỏi :

« Vương Thúy-Kiều với các người là họ hàng thế nào, mà các người khóc ? Các người khóc làm rồi ! » Cả nhà nghe sư-bà nói, ai cũng lấy làm lạ. Kim-Trọng thì nhận Thúy-Kiều là vợ, Vương-Quan thì nhận là chị, ông bà Viên-ngoại thì nhận là con gái, đều nói rằng : « Nó đã gieo mình xuống sông chết rồi, chúng tôi là chí thân, nên đến đây bồi hồn và khóc, sao sư-bà lại cho là làm ? » Sư-bà trả lời rằng : « Thúy-Kiều tuy có nhẩy xuống sông tự tử, nhưng có người cứu, thế thì các người khóc, chẳng làm là gì ! » Cả nhà nghe nữa mừng nữa nghi, đều vội vàng hỏi : « Sư-phụ với thật chứ ? » Sư-bà nói : « Tôi đã xuất-gia, không bao giờ nói dối ». Kim-Trọng hỏi : « Nếu quả Thúy-Kiều chưa chết, thì ở chỗ nào ? Xin cho chúng tôi biết ». Sư-bà đáp rằng : « Hiện ở trong am phía trước đây, chú đầu ! » Cả nhà nghe, xiết lối vui mừng, đến trước sư-bà làm lễ, và hỏi rằng : « Muốn trông ơn sư-phụ, cho chúng tôi được thấy mặt Thúy-Kiều, không bao giờ dám quên ơn ». Sư-bà nói : « Không những các người cần thấy mặt Thúy-Kiều, chính Thúy-Kiều cũng cần thấy mặt các người. Nào, cùng đi với tôi ». Cả nhà mừng rỡ, không ngồi kiệu (tức là cang hoặc đáng-sơn), không cưỡi ngựa, đi bộ theo sư-bà, quanh hỏi cái thóc ở bên sông, đến một dãy cỏ lau, tức là đến trước am, dãy cửa vào, thấy sư-bà ngánh vào phía trong gọi : « Trắc-tuyền, em

oi! cả nhà em đã ở cả ngoài này, mau mau ra mắt». Vừa dứt lời, thì Thúy-Kiều đã bước ra, thấy đủ cả cha mẹ, em gái, em trai, lại có cả chàng Kim chạy lên trước Vương-ông Vương bà, rồi Thúy-Kiều gục vào lòng mẹ khóc to, nói rằng: «Con chịu biết bao nhiêu nỗi đắng-cay khổ-sở! Tưởng đã chết từ bao giờ, ngờ đâu còn sống đến ngày nay mà đi học gặp nhau». Vương Quan và Thúy-Vân mừng đến nỗi gơ tay múa chân, mà chỉ gọi hai tiếng «chị chị», chứ không biết nói gì nữa. Kim-Trọng không tiện đến gần, nhưng vẻ vui mừng lộ ra nét mặt. Thúy-Kiều mới đứng dậy, lại cha mẹ, rồi vái chào Kim-Trọng, lại cùng Vương Quan Thúy-Vân và Lộ Chung (cố Vương-Quan) làm lễ vái chào Chào xeng, cả nhà ngồi xuống. Thúy-Kiều kể rõ đầu đuôi một lượt, kể đến chỗ bị khổ, cả nhà đều đau đớn thương thay, kể đến chỗ báo ơn báo oán, cả nhà đều lấy làm thỏa thích. Vương-ông nói: «Các việc con vừa kể lại, cả nhà đều rõ cả, duy có việc con gieo mình xuống sông, ai cứu con, chưa thấy kể». Thúy-Kiều nói: «Chính là Giác-duyên đạo-huynh đây. Mua một cái thuyền chài, lại thuê đan lưới, và thuê người ngày đêm chực ở bên sông để cứu con». Vương-ông nói: «Vậy thì sư-phụ là tái-sinh phụ mẫu của con», nói rồi cúi xuống lạy sư Giác-duyên. Vương-bà, Kim-Trọng, Vương-Quan, Thúy-Vân và Lộ Chung, đều cúi xuống lạy sư Giác-duyên. sư bà vội vàng lạy đáp.

(Còn nữa)

Truyện học NGUYỄN-VĂN-TỔ

BA NGƯỜI THỢ...

(Tiếp theo trang 16)

rằng muốn cho người Việt nam chỉ chuyên học chữ pháp, làm cho người Nam thành người Pháp cũng như xưa kia người ta đã làm cho người mình thành người Tàu, là không được, và cố động cho người mình học chữ quốc ngữ. Công việc thứ nhất ông làm rất hăng hái ông viết báo vừa quốc văn vừa pháp văn, chủ trương rằng người Việt-nam phải học chữ quốc ngữ. Nước Việt-Nam là một nước cổ vốn đã có một cái văn hóa. Ngày nay hình như cái văn-hóa ấy không hợp thời, cần phải lập lại lấy một văn hóa mới cần cho sự sinh-tồn của quốc-gia trong thời đại mới. Bước đầu là gây lấy một cái học mới, cái học mới ấy là do nước Pháp truyền bá cho. Nhưng khó khăn thay, nếu người Việt-nam chưa có lịch sử, chưa biết văn minh học thuật là gì thì nước Pháp cứ việc cho người Việt-nam học chữ tây, đồng hóa được đến đâu tùy đến đó, không phải

«dân Việt nam không phải là một tờ giấy trắng muốn vẽ gì vào cũng được»; tức là một tập giấy đã có chữ sẵn từ đời nào đến giờ rồi, nếu bây giờ viết đè một thứ chữ mới nữa lên trên, thì e thành giấy lộn mất. » Dạy cho người Việt-nam học chữ Pháp ngay từ nhỏ, «kết quả chỉ đủ làm cho người An-nam mất giống An-nam, mà chưa chắc đã hóa được theo Tây hóa», thành ra một hạng người, tây chẳng ra tây, an-nam chẳng ra An-nam, học hết bậc sơ - đẳng, chữ tây thì chưa đủ dùng, chữ an-nam thì vì không chuyên cũng không đủ dùng nốt.

Vậy người Việt-nam trong những năm giáo dục đầu, phải học phổ thông bằng chữ quốc ngữ...

Hình như sự hồ báo của ông sau này có cái kết quả là nhà nước lập ra kỳ-thi sơ học yếu, lược ở khắp ba-kỳ.

(Còn nữa)

LÊ-THANH

Đã in xong :

TIẾNG VỌNG SÔNG NGÂN

Thi-phẩm của NGÂN GIANG

A. — LOẠI ĐẶC BIỆT :

- | | |
|--|----------------|
| 1) 5 bản trên giấy Bạch-Tuyết (riêng loại sách này có ảnh tác-giả) | Giá : 100\$ 00 |
| 2) 25 bản trên giấy lụa Tây-Hồ | — 40\$ 00 |

B. — LOẠI QUÝ :

- | | |
|--|---------------|
| lụa trên giấy lụa Trữ-La | Giá : 12\$ 00 |
| Hai loại sách này đều có 2 tranh minh-họa của họa-sĩ TRỊNH-VÂN Bìa do họa-sĩ Trịnh-Vân vẽ bìa đá và trang coi việc ấn-loát | |

Không gửi theo lĩnh-khoá giao-ngân. Mua lẻ, thêm 1\$00 cước Đại lý trừ 23% — Thư, Ngân phiếu gửi về :

Bà ĐỖ THỊ QUẾ 44, Hàng Bông HÀ NỘI.

Bản sách dẫn về « Đại-Nam Liệt-truyện »

Số 21

Thơ-Xuân LÊ-VĂN-PHÚC

TÊN HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ QUÁN	Tập (1)	Quyển	Trang	NƠI HỒ
QUANG 光 Dương	tự ôn-như	Hà-nội, Sơn-lăng	N	42	8b	
QUANG 光 Đoàn-thị		Hưng-yên	N	44	7a	
QUANG 光 Đỗ	tự Huy-cát	Hải dương, Gia lộc	N	81	2a	
QUANG 光 Hồ-xuân		Biên hòa, Phước chánh	S	9	11b	nay là vùng Châu thành
QUANG 光 Huỳnh		Thừa thiên, Hương trà	T	6	22a	[và Tân uyên]
QUANG 光 Huỳnh-hữu		Không rõ	N	40	23b	
QUANG 光 Huỳnh-văn		Định tường, Kiến hòa	N	40	10a	lâm Tri huyện Trà-vinh
QUANG 光 Lê-dắc		Bắc ninh, An phong	N	33	11a	(Nam kỳ)
QUANG 光 Nguyễn tấn		Quảng nghĩa, Chương nghĩa	N	40	11a	nay là vùng Chợ gạo (Mỹ-tho)
QUANG 光 Trần-dương	tự Thúc-khiêm	Nam định, Mỹ lộc	N	33	12a	
QUANG 光 Trần-trọng		Nam định, Giao thủy	N	38	21b	
QUANG 光 Võ	tự Mộng-lý	Bắc thành, Thọ xương	N	42	11a	
QUANG 光 Võ-dinh		Bình định, Phú cát	S	23	3a	con Võ-dinh-Duyên
QUÁT 适 Cao-bà		Bắc ninh, Gia lâm	N	46	14b	
QUẬN 郡 Nguyễn		Vĩnh long, Bảo an	S	15	9b	nay là Batri (Bốtre)
QUẾ 桂 Lê-văn		Gia định, Bình dương	S	15	25a	nay là vùng Sài-gòn
QUẾ 桂 Trương-dũng	tự Diên-phương,	Quảng nghĩa, Bình sơn	N	21-		biệt hiệu Quảng-khê
QUÍ 達 Đồng-văn	hiệu Đoàn-trai	Quảng nghĩa, Chương nghĩa	N	22	28a	
QUÍ 貴 Huỳnh-văn	tự Bộ-vân	Không rõ	S	18	10a	
QUÍ 貴 Mai-thế		Hà tĩnh, Cao lộc	N	38	17a	
QUÍ 貴 Ngô-công		Hà tĩnh, Long xuyên	S	14	8a	nay là Cà-mau
QUÍ 貴 Nguyễn-cửu		Thanh hóa, Quý huyện	T	4	6a	con Nguyễn-cửu-Tổ
QUỖ 橫 Bạt	tự Hữu-trúc	Hưng yên, Tiên lý	N	29	9b	
QUỖ 橫 Lưu	hiệu Nguyệt-giang	Hà nội, Thanh trì	N	32	13b	
QUYÊN 捐 Nguyễn-thị		Hà tĩnh, Nghi xuân	N	44	4a	
QUYÊN 捐 Nguyễn-thị		Hà nội	N	44	4b	
QUYÊN 捐 Châu-viễn		Người Tàu	S	23	2b	Bộ tướng của Hà-bí-Văn
QUYÊN 捐 Đỗ-văn		Hà tĩnh, Nghi xuân	N	40	10b	
QUYÊN 捐 Hà	tự Tôn-phủ	Hà nội, Thanh uy	N	25	8b	
QUYÊN 捐 Nguyễn-phú		Gia định, Phước lộc	N	49	4b	nay là vùng Cần-giỏi
QUYÊN 捐 Nguyễn-văn		Biên hòa, Bình an	N	13	3b	nay là Thủ đầu một
QUYÊN 捐 Thân-văn	tự Dụng-trung	Thừa thiên, Phong điền	N	28	1a	
QUYÊN 捐 Trần-thị		Bình định, Bồng sơn	N	44	7b	
QUYÊN 捐 Võ	tự Tôn-trai	Bắc ninh, Lương tài	N	23	4b	
QUYÊN 捐 Đặng-văn		Bình định, Phú mỹ	N	49	7a	
QUỖNH 捐 Nguyễn-hoài		Định tường, Kiến hòa	S	19	9b	nay là vùng Chợ-gạo (Mỹ-tho)
QUỖNH 捐 Phạm-văn		Bình định, Phú cát	S	14	6a	
QUỖNH 捐 Huỳnh		Thừa thiên, Hương trà	N	18	4a	Địch-tên của huyện-Quang
QUỖNH 捐 Võ-hưng		Nghệ an, An thành	N	15	7b	

1) T: Tiên-biên, S: Sơ-tập, N: Nhị-tập.

TIÊU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Tư

* Khiến nhân lồng An-Tư công-chúa
và Thoát-Hoan, đọc thư quốc nạn đã. *

(Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kính tặng hương hồn mất thân

NGUYỄN-HUY-TUỞNG

Số 20

— Công-chúa cho nghe.

— Tôi xin chờ đợi, nhưng sa trường bất trắc, nỡ Vương...

Chiêu - thành vương cười ngạo mạn:

— Công - chúa lo cũng phải. Nhưng tôi sẽ chẳng làm sao. Khi trước tôi còn sợ giặc và sợ chết. Ngày nay tôi coi thường cả. Giặc là cái thù không đội trời chung, chết là kẻ thù ngăn chiến thắng. Tôi không chết đâu.

— Nhưng vạn nhất mà Vương rủi ro?

Wương không đáp. Công chúa tiếp:

— Tôi xin chờ đợi nầy Vương khỏi phục kinh thành. Nhưng vạn nhất mà Vương rủi ro, thì tôi sẽ theo Vương cho trọn nghĩa.

— Vương và Công-chúa cũng vậy. Nếu Công-chúa không đợi đến ngày tái hợp, tôi cũng không sống làm gì.

Sáng đã hân hoan. Chim chóc sau một hồ đa dự, nhịp nháng ca xuân theo một điệu khúc nhẹ nhàng. Cả bầu trời vừa như vọng tiếng bản hoan. Búp lộc môn môn, đất lành giấc ngủ mùa đông, rừng mình đang trọt mùi thơm lang bạc. Vẻ đẹp của ánh sáng,

nhạc trọng của ca chim, màu sắc của cỏ cây, và chất thơm của buổi mới, hợp thành một ý xuân tươi. Trước mặt hai người thanh niên, trên mảnh lụa mặt hồ, một chiếc chim cũng xuân xé tạc.

An-Tư tặc lưỡi, nghĩ một mình, chưa xót:

— Cảnh đẹp quá, sao ta lại phải lên đường trong buổi xuân này? Than ôi! Chẳng hạn, ta mong gặp chàng mà chẳng muốn gặp chàng.

Mặt vàng như một trời lí lẩn. Và toàn thân nàng như xuyên một nét buồn. Nàng ủ rũ, như Vương một lần cuối cùng, lâu lâu không chớp mắt, để khỏi quên từng nét nhỏ của tình - lang. Mặt nàng uôn cợt, âm trầm như một hậu cung.

Chàng tra kiếm vào vỏ, cầm tay nàng:

— Xin tạm biệt Công-chúa.

Nàng nắm chặt lấy tay chàng như cố nắm lấy một lần cuối con người mà nàng đã coi như cách bên kia thế - giới. Vương bỗng chován một nỗi buồn;

— Nhưng rồi ta có cứu được nàng không? Sắc đẹp nhường kia, trời không dục được một người đẹp hơn thì có lẽ nào, lại hát

nàng đi ngay được? Thông ôi! Người liệu có đem phúc cớ đến lại càng không?

Chàng vương một ý hối; và nàng giương mắt ngoảnh lại thời gian trách-mắc. Tân ngẫu nhìn nhau, họ vô tình rào bước.

Tất cả xã hội lưu vong ở Thanh hóa đều biết Chiêu-thành vương và Công-chúa tình tự trên đồi Cỏ Hạc. Khi họ lên đồi, người ta đã biết, nhưng không ai ngăn trở, và cũng không ai chế cười. Một người như An-Tư, mang một số mệnh lớn lao và thể-thảm, ai còn trách móc? Quân sĩ được cắt đi tiễn An-Tư đã về chính; thuyền hoa đã tức trực ngoài khơi, mà đôi tình nhân vẫn chưa xuống. Phút giây thần thánh, họ không dám làm loạn, giả sử An-Tư và Chiêu-thành vương đứng mãi trên đồi, có lẽ cũng không ai nỡ đến phá cuộc chuyện trò. Nỗi éo le của thời thế, và sự lỡ dở của một nhân duyên đẹp cổ nhất đời, đã làm cho người ta bần táo, người ta thở than, người ta tiếu sau; nhiều người còn ứa lệ cảm thương. Một người bỗng nói:

— Ai cũng ái ngại cho Ngưu-lang. Chức-nữ có biết đau đớn cảnh Công-chúa và Chiêu-thành vương còn phải thiết giáp giáp giáp nghìn. Ngai cũng không đành lòng.

— Chức-nữ, Ngưu-lang còn mỗi năm gặp mặt một lần, còn nhạ.

— Còn nọ thì làm sao?

— Thì nhớ cả.

— Sao lại nhớ? Hai tháng nữa, ta đuổi Thoát Hoan đi, cứu Công-chúa, việc mọi lại như xưa. Gai công cứu mười vạn sinh linh, mùa đời còn ghi tiếng, thì vài tháng thất thân cũng giặc có hề gì? Cũng bằng như chúng mình: đâu phải

cụt chân, cụt tay nhưng khôi phục được non sông, cũng không quen ngại.

Nàng đã trang điểm rất lộng lẫy: nàng tự tút cho chiếc thân đi « đánh đi », một nghề « quá hay ho »! Tay đau-dớn trong tình yêu, nhưng nàng không khỏi có chút tự phụ là đã không sống vô ích, giữa lúc tất cả mọi người đang lo toan việc khôi phục. Nàng tự thấy không phải xấu hổ với những người anh hùng hi sinh cho Tổ quốc. Hình ảnh nàng Tây-Tại phục thù cho nước Việt lâm-vắng trong đầu nàng, tuy nàng tự biết không có cái tài của người con gái tán sa. Và dĩ nhiên, nàng không khỏi đẹp mắt của nàng những lời vai làm lủi lấy làm vùi vùi lòng yêu nư...
nàng, vừa tinh thần hi, xa bác ái, là tình thần mãnh liệt chung cho xã hội đương thời, mà tư tưởng thiên gia đã thấm nhuần mọi lớp Mười vạn sinh linh thoát khỏi tay đao phủ, họ cũng đủ khuấy khuấy lòng người-thiếu nữ mà lâu dài hạnh phúc đã gọi là hoàn toàn đồ xụp lúc bước chân ra đi.

Ai-tư sai đánh con ngựa bạch của nàng ra. Nàng không muốn rời xa con vật có nghĩa của nàng. Nước mắt giàn giụa, nàng nghĩ đến đêm trăng giông ruồi bên người yêu, nàng vỗ con ngựa, nó hí vui mừng rồi không biết đến nỗi khổ tâm của chủ. Nàng nói:

— Con đi với ta nhé!

Rồi cực thân, nàng lại khóc. Tất cả cuộc tấn phi chúa đều khốc và không biết nói câu gì để

an ủi được nàng: nỗi đau khổ môn mang như bề, một lời nói tâm thường không giúp ích gì cho người xấu số! Hoàng hậu dẫn Hoàng Thái Tử và thân cận công chúa Huyền Trân, khi ấy đã được sáu tháng, ra chào nàng Ai Tư vượt má Thái Tử, và đến Huyền Trân. Cô công chúa tí hon này cũng có đôi mắt to và buồn như Ai Tư, và nét mặt thì hao hao giống nàng. Trong hoàng tộc, ai ai cũng bảo Huyền Trân rồi cũng sẽ đẹp như Ai Tư. Huyền Trân vươn bàn tay xinh xắn và nhướn miệng cười hồn nhiên, nụ cười đã đánh dấu một sắc đẹp cực kỳ lộng lẫy mai sau. Ai Tư hôn hít Huyền Trân mà nàng vốn yêu rất mực. Hoàng hậu nói:

— Giống Công chúa, mỗi ngày một rõ.

Nàng ôm cháu, cười buồn rười rượi:

— Cháu ngoan nhé, cháu đừng như bà trẻ mà khổ.

Nàng có căn nước mắt. Khi nàng giao trả Huyền Trân cho Hoàng hậu thì cô bé quý phái khé hết lên, nhất định theo nàng, nàng lại phải ấn, như thế đến ba lần. Bảo-mẫu phải đem Huyền Trân đi ra chỗ khác. Tiếng khóc của Huyền Trân vẫn chưa dứt.

Ai Tư lên ngựa ra bến. Theo sau nàng có sáu người thị nữ Hoàng-hậu và các công chúa, phi tần đều ra tiễn biệt. Chiêu-thành vương, Hoài-văn-hầu, và quan vũ tướng cũng theo ra. Hai bên đường, quân sĩ đứng xếp hàng, giương tuốt sáng ngời, giáo dẹt lỗ nhỏ, bày ra một cảnh cực kỳ hùng tráng. Sau lưng quân sĩ là dân gian bằng bố con cái, nghèo đói lên nhìn, vừa vì hiếu kỳ vừa vì

chút cảm tình đối với Công-chúa. Không ai nói gì nét mặt nghiêng trái, phần nhiều buồn lặng lẽ. Xa xa, trên đỉnh cao, phấp phới ngọn cờ vàng.

Nàng từ từ cho ngựa chạy giữa hai hàng quân sĩ, lộng lẫy trong chiếc khăn đỏ dài ngoai, chiếc áo vóc xanh đai vàng, siem gấm, chiếc quần hồng và chiếc đai phở tiêu phượng. Những vòng ngọc và mắc sải càng làm bộ nổi vẻ đẹp khuynh thành, nhất là bàn tay dài cân, và ngón cò trắng tinh. Đôi mắt to, đen, mơ màng và buồn sâu kín, có phần ngơ ngác, thỉnh thoảng nhìn sang hai bên người nào được nàng nhìn được một vịnh hạnh lớn.

Ai Tư đột nhiên thấy n... mang cái đất Thanh kỳ nơi mà nàng mới đặt chân sớm hôm qua, vừa đúng một ngày một đêm. Nàng bằng khuây nghĩ đến cuộc đời lạ lùng của nàng; nàng âm thầm tự trách, và thêm muộn đời của những người ở lại, từ bà Hoàng hậu đến các phi tần, từ Tưượng hoàng đến tướng sĩ, người nào trước mắt nàng cũng thấy hiện một cuộc đời ấm cúng và chưa chao li-vọng. Và tự so sánh cảnh ngộ ngang trái của mình với sự sống tung bồng và oanh liệt của các anh hùng Thanh-hóa, nàng oán trong thâm tâm sự dẫu cợt của số phận.

Chiêu-thành vương đi sát bên cạnh nàng, buồn một vò, nhứt nhứt. Nhìn tình nhân, nàng càng thêm cực. Nàng thêm cảm cái nghị lực siêu quần của Vương.

(còn nữa)

NGUYỄN HUY-TƯỜNG

Đã có bán :

DÊM HỘI LONG TRÌ

Lịch sử tiểu thuyết
của NG. H. TƯỜNG

GIA 3\$60

thêm cước 0\$70

TY XUẤT BẢN TRI TÂN

95 & 97, Chanceaulme, — HANOI

ĐA XUẤT BẢN ĐU BỐ

CHỮ NHỎ HỌC LẦY

Cử-nhân Dương Bá Trạc soạn

Tác giả, bình sinh sở đắc về chữ nhỏ, lại sau bao nhiêu năm xem sách, nghiền ngẫm và dạy học, đã tìm ra được cái mẹo mực, cái q y thức nhất định về sự học chữ nhỏ, nay gom góp đủ vào bộ sách này, cốt cống hiến những bạn muốn học chữ nhỏ có được cái lợi khi hoàn toàn sẽ học lấy một mình được.

Toàn bộ 2 quyển — giá 4\$00 cước 0\$45
(không gửi lĩnh hóa giá) để cho :
hiệu sách Đông, 195,
phố hàn

phí
chỉ

Thư-xã Alexandre de Rhodes

Mới xuất bản hai cuốn :

TRUYỆN RỪNG XANH

Phạm xuân-Đỗ phỏng-thuật

Theo cuốn « Le livre de la Jungle » của R. Kipling gồm có những truyện kỳ-lạ và lý-thú, nhiều tranh ảnh, dày 170 trang, khổ 17x23.

LỤC SỨC TRANH CÔNG

bản dịch Pháp văn của Hoàng-hữu-Xứng
và A. de R.

Bình-phẩm cuốn này, Cố Cadère đã nói :
« So với Kim Vân Kiều và Chinh-phụ ngâm,
thì Lục súc tranh công còn tự-nhiên, phổ-
thông và có vẻ « an-nam » nhiều hơn lắm... »
dày 150 trang, khổ 17x23, bìa vẽ mỹ-thuật và
nhiều tranh ảnh.

mỗi cuốn bán thường 4\$00 cước 0\$59

bản giấy Đại la 12\$00 cước 1\$00

Tổng phát hành,

MAI-LINH

27, Rue des Pipes — Hanoi

Sắp có bán :

VIÊN VẮ SÔNG

khảo luận của Nguyễn xuân Huy

- Tuyên ngôn của một nhà văn tiến từ chủ nghĩa lãng mạn sang chủ nghĩa tả thực xã - Hội.
- Nói rõ mục đích chính đáng của nhà văn trong lúc này.

Mới có bán :

Không giá với ông Đào-duy-Anh

nghe của Nguyễn-Diễm giá 4\$00

Sắp in :

Tồn giáo và xã hội

nghe của Ng. Hải-An

TU SÁCH « VĂN NGHỆ MỚI »

Đang in :

NGÃ BA

truyện dài của Lê mộng Cầu

- Truyện một thanh niên tha thiết yêu đời yêu cuộc sống và thành thực đi tìm lý tưởng.

ĐẠI HỌC THỢ XÁ

181 Henri d'Orléans Hanoi

5h 30

REVUE TRI-TÂN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1944 de M. Le Gouverneur Général

Directeur & gérant : Nguyễn-Tường Phụng

Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi